

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139/QĐ-SYT

Tây Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu số 02 Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2024

Thuộc dự án: Cung cấp thuốc để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2024

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị mua thuốc tập trung kiêm nhiệm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-SYT ngày 7/11/2022 của Giám đốc Sở Y tế về việc Phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói 02: Gói thầu số 02- Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Báo cáo số 06/BC-TCG này 03/02/2023 của Tổ chuyên gia về việc đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Báo cáo số 08/BC-TCG này 06/02/2023 của Tổ chuyên gia về việc đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật – Bổ sung Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;



Căn cứ tờ trình số 139/TTr-BMTSYT, ngày 07/02/2023 của Bên mời thầu thuốc Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT Gói thầu số 02 Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Báo cáo số 07/BC-TTĐ, ngày 16/02/2023 của Tổ thẩm định báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ Báo cáo số 10/BC-TCG này 22/02/2023 của Tổ chuyên gia về việc đánh giá Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật – Bổ sung bổ sung lần 2 Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ tờ trình số 150/TTr-BMTSYT, ngày 24/02/2023 của Bên mời thầu thuốc Sở Y tế về việc đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT Gói thầu số 02 Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ báo cáo số 11/BC-TCG ngày 24/02/2023 của Tổ chuyên gia đánh giá kết quả làm rõ hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ công văn số 151/CV-BMT ngày 02 tháng 03 năm 2023 của Bên mời thầu;

Căn cứ Báo cáo số 08/BC-TTĐ, ngày 06/03/2023 của Tổ thẩm định báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024;

Căn cứ biên bản họp số 256/BB-BMT ngày 08/03/2023 giữa bên mời thầu về việc thống nhất nội dung cần làm rõ tại Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024.

Xét đề nghị của Bên mời thầu Đơn vị mua thuốc tập trung kiểm nhiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2024, thuộc dự án: Cung cấp thuốc để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2024 bao gồm:

- Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: 121 nhà thầu. (phụ lục 1 kèm theo);
- Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: 03 nhà thầu. (phụ lục 2 kèm theo);
- Danh sách mặt hàng thuốc dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: 1.093 mặt hàng. (phụ lục 3 kèm theo);
- Danh sách mặt hàng thuốc dự thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: 32 mặt hàng. (phụ lục 4 kèm theo).

Điều 2. Giao Bên mời thầu Đơn vị mua thuốc tập trung kiêm nhiệm chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký Bên mời thầu Đơn vị mua thuốc tập trung kiêm nhiệm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Lãnh đạo SYT
- Tổ thẩm định
- Lưu: BMT, VP.

GIÁM ĐỐC



Trương Văn Hùng





DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024
(kèm quyết định số 139 /QĐ-SYT ngày 08/03/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	Mã NT	Tên nhà thầu	Số mặt hàng dự thầu	Số mặt hàng đạt kỹ thuật	Số mặt hàng không đạt kỹ thuật
1	1	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	10	10	0
2	2	Công ty cổ phần dược phẩm A.P Pharma	01	01	0
3	3	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	65	65	0
4	4	Công ty TNHH Dược Phẩm An Long	04	04	0
5	5	Công ty TNHH thương mại dược phẩm An Pha	01	01	0
6	6	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	20	20	0
7	7	Công ty TNHH Dược phẩm AT & C	07	07	0
8	8	Công ty cổ phần dược phẩm Âu Việt	02	02	0
9	9	Công ty cổ phần Azenca	01	01	0
10	10	Công ty cổ phần dược phẩm Bách Niên	02	02	0
11	11	Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre	19	18	01
12	12	Công ty TNHH Bidivina	04	04	0
13	13	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị y tế Bình An	03	03	0
14	14	Công ty TNHH dược phẩm Bình Châu	05	05	0
15	15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	23	22	01
16	16	Công ty TNHH dược phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	11	11	0
17	17	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	19	19	0
18	18	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	09	09	0
19	19	Công ty cổ phần Đại An Phú	02	02	0
20	20	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam	02	02	0
21	21	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Phát	01	01	0
22	22	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Tín	01	01	0
23	23	Công ty TNHH dược phẩm và trang thiết bị y tế Đại Trường Sơn	01	01	0
24	24	Công ty Cổ phần Dược DANAPHA	21	21	0
25	26	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	15	15	0
26	27	Công ty TNHH dược phẩm Đức Anh	06	06	0
27	28	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	41	36	05
28	29	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	24	21	03
29	30	Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị Y tế Đà Nẵng	27	24	03
30	31	Công ty TNHH thương mại vật tư y tế Dược Việt	03	03	0
31	32	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Duy Anh	01	01	0
32	33	Công ty Cổ phần Eutical	02	02	0
33	34	Công ty cổ phần Global pharmaceutical	01	01	0
34	35	Công ty cổ phần Gonsa	42	42	0
35	36	Công ty TNHH dược phẩm Hà Đông	01	01	0
36	37	Công ty TNHH thương mại HAMI	03	03	0
37	38	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	26	26	0
38	39	Công ty TNHH dược phẩm HELIOS	04	04	0
39	40	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiền Mai	04	04	0
40	41	Công ty cổ phần dược phẩm Hiệp Bách Niên	02	02	0
41	42	Công ty TNHH dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức	45	44	01
42	43	Công ty TNHH Hồng Phúc Bảo	01	01	0
43	44	Công ty TNHH dược phẩm Hùng Thịnh	26	20	06
44	45	Công ty TNHH thương mại dược phẩm quốc tế Hưng Thịnh	02	02	0
45	46	Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	04	04	0



STT	Mã NT	Tên nhà thầu	Số mặt hàng dự thầu	Số mặt hàng đạt kỹ thuật	Số mặt hàng không đạt kỹ thuật
46	47	Công ty cổ phần dược phẩm IP	01	01	0
47	48	Công ty TNHH Dược phẩm IVY	04	03	01
48	49	Công ty TNHH MTV thương mại dược phẩm Khang Huy	09	09	0
49	50	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	37	37	0
50	51	Công ty trách nhiệm hữu hạn KIM PHARMA	07	07	0
51	52	Công ty TNHH Dược Phẩm Kim Phúc	08	08	0
52	53	Công ty TNHH dược phẩm Lạc Việt	01	01	0
53	54	Công ty TNHH Phân Phối Liên Kết Quốc Tế	04	04	0
54	55	Công ty TNHH Lynch Farma	03	03	0
55	56	Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ du lịch Mây Vàng	04	04	0
56	57	Công ty cổ phần dược phẩm Medbolide	03	03	0
57	58	Công ty cổ phần dược Medipharco	06	06	0
58	59	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	15	15	0
59	60	Công ty cổ phần dược phẩm Meta	02	02	0
60	61	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	29	29	0
61	62	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Hiền	04	04	0
62	63	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Tín	03	03	0
63	64	Công ty TNHH dược phẩm Minh Trí	03	03	0
64	65	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Mười Tháng Ba	04	04	0
65	66	Công ty TNHH Nacopharm Miền Nam	05	05	0
66	67	Công ty cổ phần dược Nam Đồng	04	04	0
67	68	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	03	03	0
68	69	Công ty TNHH Dược Phẩm Nam Hân	01	01	0
69	70	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nam Khang	08	08	0
70	71	Công ty cổ phần dược phẩm Năm Phát	04	04	0
71	72	Công ty cổ phần dược Newsun	01	01	0
72	73	Công ty cổ phần dược phẩm Ngân Lộc	01	01	0
73	74	Công ty TNHH dược phẩm Nguyễn Anh Khoa	12	12	0
74	75	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Gia	01	01	0
75	76	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	11	10	01
76	77	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Nhật Tiến	06	06	0
77	78	Công ty cổ phần O2Pharm	05	05	0
78	79	Công ty cổ phần dược Pha Nam	10	09	01
79	80	Công ty TNHH dược phẩm Phạm Anh	04	04	0
80	81	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm PVN	03	03	0
81	82	Công ty Cổ phần PYMEPHARCO	18	17	01
82	83	Công ty TNHH dược phẩm QDU	03	03	0
83	84	Công ty TNHH dược phẩm Quang Anh	02	02	0
84	85	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - UK Pharma	01	01	0
85	86	Công ty cổ phần dược phẩm Sagophar	11	11	0
86	87	Công ty TNHH dược phẩm Sao Mộc	02	02	0
87	88	Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI	16	16	0
88	89	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Seaphaco	03	02	01
89	90	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo	04	03	01
90	91	Công ty TNHH Sofaco	02	02	0
91	92	Công ty TNHH dược phẩm Song Khanh	03	03	0
92	93	Công ty TNHH Dược phẩm Sun USA	01	01	0
93	94	Công Ty Cổ Phần Sundial Pharma	03	03	0
94	95	Công ty TNHH dược Tâm Đan	04	04	0
95	97	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	10	10	0
96	98	Công ty Cổ phần TAVO Pharma	01	01	0
97	99	Công ty cổ phần dược phẩm Tây Ninh	27	27	0
98	100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	25	24	01
99	101	Công ty TNHH dược phẩm TH	14	13	01
100	102	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Thái An	01	01	0
101	103	Công ty TNHH dược phẩm Thái Tú	03	03	0

STT	Mã NT	Tên nhà thầu	Số mặt hàng dự thầu	Số mặt hàng đạt kỹ thuật	Số mặt hàng không đạt kỹ thuật
102	104	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thăng Long	02	02	0
103	106	Công ty TNHH dược Thống Nhất	02	02	0
104	107	Công ty CP thương mại dược phẩm và TTBYT Thuận Phát	03	03	0
105	109	Công ty cổ phần Traphaco	04	04	0
106	110	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	06	06	0
107	111	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Codupha	33	33	0
108	112	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1	24	24	0
109	113	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Vidipha	16	13	03
110	114	Công ty TNHH dược phẩm TỰ ĐỨC	08	08	0
111	115	Công ty TNHH dược Tuệ Nam	11	11	0
112	116	Công ty TNHH dược phẩm Tường Thành	09	09	0
113	118	Công ty TNHH dược phẩm Vạn Cường Phát	07	06	01
114	119	Công ty TNHH Dược Phẩm Văn Lang	05	05	0
115	120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	29	29	0
116	121	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	07	07	0
117	122	Công ty cổ phần Vilogi	01	01	0
118	123	Công ty TNHH Một Thành Viên Vimedimex Bình Dương	31	31	0
119	124	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	26	26	0
120	125	Công ty cổ phần y dược VSK	06	06	0
121	126	Công ty TNHH Bảo Đan Âu Châu	01	01	0
		Cộng 121 khoản	1.125	1.093	32

Tây Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Trương Văn Hùng





DANH SÁCH NHÀ THẦU KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Gói thầu số 02 - Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc bổ sung vào Danh mục thuốc đấu thầu
tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024
(kèm quyết định số /QĐ-SYT ngày 08/03/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	Mã nhà thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ
1	25	Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	Lô 51, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM
2	101	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	27 Nguyễn Chí Thanh, P9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
3	108	Công ty TNHH dược phẩm Tín Đức	16-18 Trần Khánh Dư, P. Tân Định, Q1, TP. HCM
		Cộng 03 khoản	

Tây Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2023
GIÁM ĐỐC



[Signature]
Trương Văn Hùng



TRƯỜNG VINH HỒNG

DANH SÁCH MẬT HÀNG THUỐC DỰ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

GÓI THẦU SỐ 02 - CUNG CẤP THUỐC GENERIC THUỘC DANH MỤC THUỐC BỔ SUNG VÀO DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG
CẤP ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SỬ DỤNG TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2024

(kèm quyết định số 139/QĐ-SYT ngày 08/03/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2												
Nhóm 4												
1	228	Cetirizin dihydroclorid	CETIRIZIN	VD-19303-13	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10vi x 10viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
2	229	Chlorpheniramin	CLOPHENIRAMIN 4mg	VD-17373-12	4mg	Viên nén dài	Chai 1000 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
3	251	Dexamethasone	DEXONE	VD-20162-13	0,5mg	Viên nén hình oval	Chai 200 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
4	258	Dextromethorphan HBr	DEXTROMETHOR PHAN 15mg	VD-17870-12	15mg	Viên nén bao phim	Hộp 20vi x 30viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
5	360	Gentamicin Sulfat	GENTAMICIN 0,3%	VD-30262-18	15mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1chai 5ml	Nhỏ mắt	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
6	528	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%	VD-26717-17	0,9g/100ml	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
7	574	Nystatin	NYSTATIN 500.000IU	VD-18217-13	500.000IU	Viên nén bao đường	Hộp 2vi x 8viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT

Phụ lục 3

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	576	Nystatin + metronidazol + neomycin	NEO- MEGVNA	VD-20651-14	100,000UI + 500mg + 65,000 IU	Viên nén dài đặt âm đạo	Hộp 1vi x 10viên	Đặt âm đạo	Viên	Công ty cổ phần được phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
9	730	Tetracain	TETRACAIN 0,5%	VD-31558-19	50mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 10ml	Nhỏ mắt	Chai	Công ty cổ phần được phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
10	749	Tricalci phosphat	OSTOCAN 0,6	VD-19307-13	1.650mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30gói x 1,75gam	Uống	Gói	Công ty cổ phần được phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				10								
TỔNG CỘNG				10								
2 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM A.P PHARMA												
Nhóm 4												
1	419	Isosorbid mononitrat	Donox 20mg	VD-29396-18	20mg	Viên nén	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 50 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
TỔNG CỘNG				1								
3 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM												
Nhóm 4												

2021/11/17

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	13	Acetylcystein	ACECYST	VD-25112-16	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
2	14	Acetylcystein	ACECYST	VD-25112-16	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
3	21	Aciclovir	AGICLOVIR 200	VD-25603-16	200mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
4	24	Aciclovir	AGICLOVIR 400	VD-33369-19	400mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
5	35	Acid folic	AGINFOLIX 5	VD-25119-16	5mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
6	92	Ezetimibe + Atorvastatin	EZENSTATIN 10/10	VD-32782-19	10mg + 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	111	Bambuterol hydrochlorid	BABUROL	VD-24113-16	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
8	123	Bezafibrat	AGIBEZA 200	VD-30269-18	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
9	129	Bisoprolol fumarat	AGICARDI 2,5	VD-35788-22	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
10	131	Bisoprolol fumarat	AGICARDI	VD-25113-16	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
11	136	Bromhexin Hydroclorid	AGI-BROMHEXINE	VD-19310-13	0,024g/30 ml	Dung dịch uống	Hộp 1 chai 60ml	Uống	Chai	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
12	158	Calcipotriol	CIPOSTRL	VD-20168-13	1,5mg	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Cty CPDP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

cut MV
ng

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	173	Carvedilol	AUCARDIL 12,5	VD-30276-18	12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
14	223	Celecoxib	AGILECOX 100	VD-29651-18	100mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
15	237	Clobetasol Propionate	β-SOL	VD-19833-13	5mg/10g	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	Dùng ngoài	Tuýp	Cty CPDP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
16	251	Dexamethason (dưới dạng dexamethason acetat)	DEXAMETHASON	VD-29660-18	0,5mg	Viên nén (trắng-xanh)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
17	259	Diacerein	AGDICERIN	VD-33143-19	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
18	274	Domperidon	AGIMOTI	VD-17880-12	1mg/1ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 30ml	Uống	Chai	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

Trần Văn Mỹ

STT	STT trong HSMT	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
19	276	Domperidon	AGIMOTI	VD-17880-12	1mg/1ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml	Uống	Chai	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
20	277	Domperidon	AGIMOTI	VD-17880-12	1mg/1ml	Hỗn dịch uống	Hộp 10 gói 5ml	Uống	Gói	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
21	280	Donepezil HCL	ANEPZIL	VD-22795-15	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
22	288	Ebastin	BASTINFAST 10	VD-27752-17	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
23	318	Ezetimibe + Simvastatin	EZENSIMVA 10/20	VD-32781-19	10mg + 20mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
24	326	Fenofibrat	LIPAGIM 160	VD-29662-18	160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25	357	Galantamin	GALAGI 8	VD-27757-17	8mg	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
26	391	Griseofulvin	GIFULDIN 500	VD-28828-18	500mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
27	398	Imidapril HCl	IMIDAGI 10	VD-33380-19	10mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
28	401	Imidapril HCl	IMIDAGI 5	VD-14668-11	5mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Cty CPDP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
29	413	Irbesartan	IHYBES 300	VD-25125-16	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
30	415	Irbesartan + Hydrochlorothiazid	IHYBES-H 150	VD-25611-16	150mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

22/04/2017

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
31	423	Iloperid hydroclorid	ITOPAGI	VD-33381-19	50mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
32	424	Itraconazol	IFATRAX	VD-31570-19	100mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
33	441	Lamivudin	AGIMIDIN	VD-30272-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
34	462	Linezolid	IDOMAGI	VD-30280-18	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
35	467	Lisinopril	AGIMLISIN 5	VD-25118-16	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
36	473	Losartan Kali	AGILOSART 100	VD-28820-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
37	476	Losartan Kali + Hydrochlorothiazid	AGILOSART-H 50/12,5	VD-29653-18	50mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
38	520	Nabumeton	BUTOCOX 500	VD-33374-19	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
39	574	Nystatin	NYSTATAB	VD-24708-16	500.000UI	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
40	576	Metronidazol + Neomycine + Nystatin	AGIMYCOB	VD-29657-18	500 mg + 65.000IU + 100.000IU	Viên nén đặt phụ khoa	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Đặt âm đạo	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
41	583	Ofloxacin	AGOFLOX	VD-24706-16	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
42	585	Olanzapine	OLANGIM	VD-25615-16	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
43	610	Perindopril erbumin	COMEGIM	VD-27754-17	4mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
44	636	Povidone iodine	POVIDONE	VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai 130ml	Dùng ngoài	Chai	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
45	660	Rabeprazol sodium	RABEPAGI 20	VD-34106-20	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
46	668	Rebamipid	AGIREMID 100	VD-27748-17	100mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
47	670	Repaglinid	DIMOBAS 1	VD-33378-19	1mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
48	677	Roxithromycin	AGIROXI 150	VD-25123-16	150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
49	705	Sitagliptin	SITAGIBES 100	VD-29668-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
50	719	Sumatriptan	SUTAGRAN 50	VD-23493-15	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 6 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
51	749	Calci (dưới dạng Tricalci phosphat 1650mg)	AGI-CALCI	VD-22789-15	600mg	Thuốc bột	Hộp 30 gói 1,75g	Uống	Gói	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
52	753	Trimebutine maleat	AGITRITINE 100	VD-31062-18	100mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
53	762	Ursodeoxycholic acid	URDOC	VD-24118-16	300mg	Viên nén	Hộp 8 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
54	765	Valsartan	VALSGIM 160	VD-23494-15	160mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
55	780	Thiamin mononitrat	AGIVITAMIN B1	VD-25609-16	250mg	Viên nén bao phim x 10 viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
56	781	Vitamin B1 + B6 + B12	AGI-NEURIN	VD-23485-15	125mg + 125mg + 125mcg	Viên nén bao phim x 10 viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
57	787	Pyridoxin hydroclorid	AGIDOXIN	VD-31560-19	250mg	Viên nén bao phim x 10 viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
58	790	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxin hydroclorid	MAGISIX	VD-25613-16	470mg + 5mg	Viên nén bao phim x 10 viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
59	799	Nicotinamid	VITPP	VD-23497-15	500mg	Viên nén bao phim x 10 viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
60	809	Losartan Kali	AGILOSART 50	VD-32776-19	50mg	Viên nén bao phim x 10 viên	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
61	820	Rosuvastatin	ROTIIN VAST 20	VD-19837-13	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cy CPDP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
62	821	Telmisartan	AGIMSTAN	VD-27746-17	40mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
63	838	Lercanidipin hydroclorid	LERCANIPIN 10	VD-30281-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG										63		

Nhóm 5

64	661	Rabeprazol sodium	RABEPAGI 20	VD-34106-20	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
65	706	Sitagliptin	SITAGIBES 100	VD-29668-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG										2		

TỔNG CỘNG

65

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN LONG

Nhóm 1

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	303	Etamsylat	Cyclonamine 12.5%	VN-21709-19	250mg/2ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Hộp 5 ống 2ml dung dịch tiêm	Tiêm	chai/lo/hiệu/ng	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	ĐẠT
2	313	Etoricoxib	Roticox 60mg film-coated tablets	VN-21717-19	60mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên; viên nén bao phim	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

Nhóm 3												
3	472	Losartan	Bivitanpo 100	VD-31444-19	100mg	viên	Hộp 3 vỉ (nhóm-PVC/Pvdc) x 10 viên; 3 vỉ (nhóm-nhôm) x 10 viên; viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

Nhóm 4												
4	80	Amoxicilin + acid clavulanic	Iba-Mentin 1000mg/62.5mg	VD-28065-17	1000mg + 62.5mg	viên	Hộp 2 vỉ x 7 viên nén bao phim	Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 1-Pharbac	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

TỔNG CỘNG		4
5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM AN PHA	
Nhóm 4		



STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	607	Paracetamol + methocarbamol	Mycemol	VD-35701-22	500mg + 400mg	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	1								

TỔNG CỘNG

6 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN

Nhóm 4

1	111	Bambuterol hydroclorid	Bambuterol 10 A.T	VD-25650-16	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
2	115	Betahistine dihydrochloride	Betahistin 24 A.T	VD-32796-19	24 mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
3	119	Betahistin dihydrochlorid	Betahistin 16 A.T	VD-24741-16	16mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
4	123	Bezafibrat	Atibeza	VD-27796-17	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
5	129	Bisoprolol fumarat	A.T Bisoprolol 2.5	VD-25625-16	2,5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
6	131	Bisoprolol fumarat	A.T Bisoprolol 5	VD-24129-16	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Nhà máy sản xuất Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
7	133	Bisoprolol fumarat; Hydrochlorothiazid	Boreas	VD-34138-20	2,5mg/6,25 mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
8	136	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T	VD-25652-16	4mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 1 chai x 60 ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT

20/07/2021

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	156	Calcii lactat (dưới dạng Calcii lactat pentahydrat)	A.T Calcium 300	VD-29682-18	300mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
10	254	Dexchlorpheniramin maleat	Anticlor	VD-24738-16	2mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 1 chai x 30 ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
11	274	Domperidon	A.T Domperidon	VD-26743-17	5mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 30 ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
12	276	Domperidon	A.T Domperidon	VD-26743-17	5mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 60 ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
13	277	Domperidon	A.T Domperidon	VD-26743-17	5mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 5 ml	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
14	288	Ebastin	Atin 10	VD-26755-17	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
15	318	Ezetimib, Simvastatin	Atizet plus	VD-27802-17	10mg; 20mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
16	467	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 5mg	A.T Lisinopril 5 mg	VD-34121-20	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
17	585	Olanzapin	A.T Olanzapine ODT 10 mg	VD-27792-17	10mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Ngậm	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
18	717	Sucralfat	A.T Sucralfate	VD-25636-16	1000mg/5g	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5 g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
19	733	Thiocolchicosid	Aticolcide 4	VD-30301-18	4mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
20	815	Omeprazol (dưới dạng omeprazol natri monohydrat)	Atimezon inj	VD-24136-16	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 3 lọ + 3 ống dm 10ml	Tiêm	Lọ	Nhà máy sản xuất Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG		20							

TỔNG CỘNG

20

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AT & C

20

Nhóm 4

1	50	Ambroxol hydroclorid	A.T Ambroxol	VD-24125-16	30mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	Uống	Ống	Nhà Máy Sản Xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
2	98	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Azilyo	VD-28855-18	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ + 5 ống nước cất pha tiêm 5ml	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
3	138	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T	VD-25652-16	4mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 30 gói x 5ml	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
4	154	Calci lactat pentahydrat	A.T Calmax 500	VD-24726-16	500mg/10 ml	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	Uống	Ống	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
5	246	Desloratadin	A.T Desloratadin	VD-24131-16	2,5mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	Uống	Ống	Nhà Máy Sản Xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
6	389	Glyceril trinitrat (Nitroglycerin)	A.T Nitroglycerin inj	VD-25659-16	5mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
7	826	Candesartan cilexetil + Hydrochlorothiazid	Nady-Candesartan HCT 8/12,5	VD-35337-21	8mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9	Việt Nam	ĐẠT

17/181

10/11/2017

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG												7
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG CỘNG												
7												
TỔNG												

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	349	Gabapentin	Tebantin 300mg	VN-17714-14	300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								

TỔNG CỘNG 2

II CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Nhóm 1

1	56	Aminophyllin	DIAPHYLLIN VENOSUM	VN-19654-16	240mg/5ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 5 ống 5ml	Tiêm	Ống	Gedeon Richter Plc	Hungary	ĐẠT
2	480	Magnesi aspartat anhydrat + Kali aspartat anhydrat	PANANGIN	VN-21152-18	140mg + 158mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 50 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
3	482	Magnesi aspartat anhydrat + Kali aspartat anhydrat	PANANGIN	VN-19159-15	(400mg + 452mg)/10 ml	Dung dịch đậm đặc để pha dịch tiêm truyền	Hộp 5 ống x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
4	617	Perindopril tert- butylamin + Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	BEATIL 4mg/5mg (Xuất xứ: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	VN-20510-17	4mg+5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Polska Sp. z o.o	Ba Lan	ĐẠT
5	743	Tolperison hydrochlorid	MYDOCALM 150	VN-17953-14	150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
6	745	Tolperison hydrochlorid	MYDOCALM	VN-19158-15	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
7	775	Vinpocetine	CAVINTON	VN-9211-09	10mg/2ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	777	Vinpocetin	CAVINTON FORTE	VN-17951-14	10mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
9	778	Vinpocetin	CAVINTON	VN-20508-17	5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 25 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
9												

Nhóm 2												
10	247	Desloratadin	NEOLORIDIN	VN-20398-17	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
11	474	Losartan kali + Hydrochlorothiazide	LOSACAR-H	VN-16146-13	50mg+12,5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
12	738	Tobramycin	PHILTOBAX EYE DROPS	VN-19519-15	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Hanlin Pharm Co, Ltd	Hàn Quốc	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												

Nhóm 4												
13	102	Bacillus clausii	ENTEROGRAN	QLSP-954-16	2 tỷ bào tử/g	Thuốc bột	Hộp 20 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Vắcxin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	ĐẠT
14	274	Domperidon	BECORDONE	VD-19148-13	30mg	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 30ml	uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Việt Nam	ĐẠT
15	326	Fenofibrat	BECOPANTHYL	VD-18493-13	160mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
16	599	Paracetamol micronized	BEFADOL KID	VD-22446-15	150mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5ml	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
4												

Nhóm 5												
17	125	Bismuth trioxid (dưới dạng bismuth subcitrat dạng keo)	TRYMO TABLETS	VN-19522-15	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 14 vỉ x 8 viên	Uống	Viên	Raptakos, Brett & Co., Ltd	Ấn Độ	ĐẠT

20/181

Handwritten signature and stamp

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
18	343	Fluticasone propionat	FLUTIFLOW 120	VN-20395-17	50mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 bình xịt 12g tương đương 120 liều xịt	Xịt mũi	Bình	Cadila Healthcare Limited	Ấn Độ	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									
TỔNG CỘNG			18									

CÔNG TY TNHH BIDIVINA

Nhóm 4

1	92	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 10mg; Ezetimibe 10mg	Atorvastatin+Ezetimibe-5A FARMA 10+10mg	VD-33757-19	10mg, 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
2	213	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil) 200mg	Dipesalox 200mg	VD-35006-21	200mg	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
3	314	Etoricoxib 60mg	Eraxicox 60	VD-30187-18	60mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH US Pharma USA	Việt Nam	ĐẠT
4	703	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 50mg	Sitagliptin - 5A Farma 50mg	VD-33762-19	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần liên doanh dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			4									
TỔNG CỘNG			4									

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH AN

Nhóm 4

1	92	Atorvastatin + ezetimibe	Diovenorplus 10/10	VD-35085-21	10mg+10mg g	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	ĐẠT
---	----	--------------------------	--------------------	-------------	-------------	-------------------	--------------------	------	------	-------------------------------	----------	-----

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	208	Cefoxitin	Midepime 2g	VD-29012-18	2g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
3	342	Flurbiprofen natri	Axofinen 100	VD-32203-19	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	3									
		TỔNG CỘNG	3									

14 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÌNH CHÂU

Nhóm 4												
1	332	Fexofenadin	Fexofenadin 60-US	VD-29568-18	60mg	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	ĐẠT
2	342	Flurbiprofen natri	Amedolfen 100	VD-29055-18	100mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	ĐẠT
3	352	Gabapentin	Leer plus	VD-25406-16	300mg	Viên sủi	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	ĐẠT
4	533	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	VD-32457-19	0,9% 100ml	thuốc tiêm/thuốc truyền	Túi 100ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH dược phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	4									

Nhóm 5												
5	672	Ringer lactat	Lactated Ringer's	VD-33122-19	500ml	thuốc tiêm/thuốc truyền	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH dược phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	5									

15 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

Nhóm 3												
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

22/181

Handwritten signature

Handwritten mark

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	322	Felodipin	Bidifolin MR 5mg	VD-35645-22	5mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												
2	42	Alpha chymotrypsin	α - Chymotrypsin	VD-22580-15 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ : 10886/QLD-ĐK NGÀY 17/07/2020 + CV GIA HẠN SỐ : 13516E/QLD-ĐK NGÀY 15/07/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	4200IU	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	72	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilinatri); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	Augbidil	VD-19318-13 (Công văn gia hạn: + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 18568/QLD-DK NGÀY 01/10/2018 + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 15655/QLD-DK NGÀY 12/09/2019 + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 652E/QLD-DK NGÀY 08/02/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022)	1000mg + 200mg	Thuốc tiêm bột	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
4	228	Cetirizin dihydroclorid	Celerzin	VD-27259-17 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022)	10 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
5	268	Diltiazem hydroclorid	Bidizem 60	VD-31297-18	60mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
6	294	Eperison HCl	Waisan	VD-28243-17 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-DK NGÀY 20/07/2022)	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT

2/2/2022
MM

2/2/2022

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	323	Felodipin	Bidifolin MR 5mg	VD-35645-22	5mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
8	360	Gentamicin	Gentamicin 0,3%	VD-28237-17 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	15mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
9	367	Gliclazide	Lazibet MR 60	VD-30652-18	60mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
10	380	Glucosamin (dưới dạng Glucosamin sulfat 2 KCl tương đương Glucosamin base 392,6mg)	Bidisamin 500	VD-28226-17 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
11	440	Lactobacillus acidophilus	Lachbiosyn®	QLSP-851-15 (Công văn gia hạn: + KEM CV GIA HẠN SỐ: 2619E/QLD-ĐK NGÀY 02/03/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022)	100.000.00 0CFU	Thuốc bột	Hộp 100 gói x 1g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
12	450	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	BiveloX I.V 5mg/ml	VD-33728-19	5mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 50 ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SPK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	515	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	Eyesmox	VD-33000-19	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
14	540	Glucose khan; Natri Clorid; Tri natricitrat; Kali Clorid	Oresol	VD-29957-18	20g+ 3,5g+ 2,545g + 1,5g	Thuốc bột	Hộp 100 gói x 27,9g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
15	596	Paracetamol	Bitagan Kids 325	VD-24935-16 (Công văn gia hạn: + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 13020E/QLD-ĐK NGÀY 07/07/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	325mg	Thuốc bột sủi bột	Hộp 12 gói x 3g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
16	708	Sorbitol	Sorbitol Bidiphar	VD-19324-13 (Công văn gia hạn: + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 18568/QLD-ĐK NGÀY 01/10/2018 + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 15663/QLD-ĐK NGÀY 12/09/2019 + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 3243E/QLD-ĐK NGÀY 12/03/2021 + QĐ GIA HẠN SỐ: 279/QĐ-QLD NGÀY 25/05/2022)	5g	Thuốc bột	Hộp 25 gói x 5g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT



18/1

STT	STT trong HSM	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	790	Magnesium lactat dihydrat; Pyridoxin HCl	Magnesium - B6	VD-20421-14 (Công văn gia hạn: + KÈM CV GIA HẠN SỐ : 4207/QLD-ĐK, NGÀY 27/3/2019 + KÈM CV GIA HẠN SỐ : 5379/QLD-ĐK, NGÀY 29/04/2020 + KÈM CV GIA HẠN SỐ : 8144E/QLD-ĐK NGÀY 14/05/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022)	470mg + 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
18	796	Vitamin C	Kingdomin Vita C	VD-25868-16 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ : 18571E/QLD-ĐK NGÀY 19/11/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	1000mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 5 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
19	815	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol natri)	Oraptic	VD-24939-16 (Công văn gia hạn: + KÈM CV GIA HẠN SỐ : 12995E/QLD-ĐK NGÀY 07/07/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống dung mỗi 10ml	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
20	817	Piperacilin (dưới dạng piperacilin natri) + Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Tazopelin 4,5g	VD-20673-14 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ: 5769/QLD-DK NGÀY 17/4/2019 + CV GIA HẠN SỐ: 10875/QLD-DK NGÀY 17/07/2020 + CV GIA HẠN SỐ: 13517E/QLD-DK NGÀY 15/07/2021 ++ CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-DK NGÀY 20/07/2022)	4g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
21	820	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	Devastin 20	VD-19847-13 (Công văn gia hạn: + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 19992/QLD-DK NGÀY 22/10/2018 + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 21028/QLD-DK NGÀY 17/12/2019 + KÈM CV GIA HẠN SỐ: 3643E/QLD-DK NGÀY 17/03/2021 + CV GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022)	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			20									

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 5												
22	295	Eperison HCl	Waisan	VD-28243-17 (Công văn gia hạn: + CV GIA HẠN SỐ: 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022)	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 20 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	1								

TỔNG CỘNG 22

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Nhóm 1

1	385	Glucose	Dextrose	VN-22248-19	5%, 100ml	Dung dịch truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	ĐẠT
2	532	Natri chlorid	Sodium Chloride	VN-22341-19	0,9%; 100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	ĐẠT
3	534	Natri chlorid	Sodium Chloride	VN-22341-19	0,9%; 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	ĐẠT
4	671	Ringer lactat	Lactated Ringer's Injections	VN-22250-19	500ml	Dung dịch truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Vioser S.A Parenteral Solutions Industry	Hy Lạp	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	4								

Nhóm 4

Handwritten signature/initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	533	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	VD-32457-19	0,9%; 100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
6	535	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	VD-33124-19	0,9%; 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
7	816	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml	VD-33956-19	1g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 48 túi x 100ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
8	834	Glucose	Glucose 5%	VD-33120-19	5%; 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			4									
Nhóm 5												
9	536	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	VD-33124-19	0,9%; 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
10	672	Ringer lactat	Lactated Ringer's	VD-33122-19	500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT


 30/181

STT	STT trong HSMIT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	835	Glucose	Glucose 5%	VD-33120-19	5%; 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược Phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									

17 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Nhóm 4

1	11	N-acetylcystein	Dismolan	VD-21505-14	200mg/10 ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
2	12	N- Acetylcystein	Dismolan 200mg/8ml	VD-25023-16	200mg/ 8ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 8ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
3	105	Bacillus Clausii	Progermila	QLSP-903-15	2x10 ⁹ CFU/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 40 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
4	139	Bromhexin hydrochlorid	Brometic 2mg/10ml	VD-23326-15	2mg/10ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
5	170	Carbetocin	Hemotocin	VD-26774-17	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 1 ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
6	297	Adrenalin (dưới dạng Adrenalin tartrat)	Adrenaline-BFS 5mg	VD-27817-17	5mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
7	396	Ibuprofen	Profen	VD-29543-18	100mg/ 10ml	Hỗn dịch uống	Hộp 10 ống x 10 ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT

ilg
shu/MV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	432	Kẽm (gluconat)	Comipa Pure	VD-24551-16	10mg/10ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
9	445	Levobupivacain (dưới dạng Levobupivacain Hydroclorid)	Levobupi-BFS 50 mg	VD-28877-18	50mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 10 ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
10	450	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	LevoF-SB	VD-34667-20	5mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Túi 50ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
11	483	Magnesi aspartat (dưới dạng Magnesi aspartat dihydrat) + Kali aspartat (dưới dạng Kali hydrogen aspartat hemihydrat)	Kama-BFS	VD-28876-18	400mg + 452mg/ 10ml (33,7mg Mg + 103,3mg Kali/ 10ml)	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 10 ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
12	524	Naloxon hydroclorid (dưới dạng Naloxon hydroclorid dihydrat)	BFS-Naloxone	VD-23379-15	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
13	572	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	BFS-Noradrenaline 4mg	VD-27818-17	4mg/4ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 4ml	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
14	598	Paracetamol	Falgankid	VD-21506-14	160mg/10 ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
15	600	Paracetamol	Pamol 250	VD-33429-19	250mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 20 ống. Ống 5ml	Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
16	681	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat); Ipratropium bromid	Zencombi	VD-26776-17	(2,5mg + 0,5mg)/ 2,5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Hít qua máy khí dung	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT



STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	684	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Zensalbu nebulas 2.5	VD-21553-14	2,5mg/2,5 ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 10 ống x 2,5ml	Hít qua máy khi dung	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
18	695	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) Hydroxyd polymaltose)	Fogyma	VD-22658-15	50mg/10ml	Dung dịch uống	Hộp 50 ống x 10ml	Uống	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
Nhóm 5			TỔNG CỘNG	18								

19	685	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Zensalbu nebulas 2.5	VD-21553-14	2,5mg/2,5 ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hộp 10 ống x 2,5ml	Hít qua máy khi dung	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
Nhóm 1			TỔNG CỘNG	1								

18 **TỔNG CỘNG** 19

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

1	411	Irbesartan	Alvoprel	VN-20975-18	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Genepharma S.A	Hì Lạp	ĐẠT
Nhóm 4			TỔNG CỘNG	1								

2	10	Acetylcysteine	Acacysmox Sachet	VD-21827-14	200mg	Thuốc bột uống	Hộp 100 gói x 1g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
3	184	Cephalexin	Cefacyl 250	VD-24145-16	250mg	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	190	Cefdinir	Cefdinir 125	VD-22123-15	125mg/2,5g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 14 gói x 2,5g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
5	211	Cefpodoxim	Vipoccef 100	VD-28896-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
6	223	Celecoxib	Vicoxib 100	VD-19335-13	100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
7	596	Paracetamol	Acepron 325 mg	VD-20679-14	325mg	Thuốc bột uống	Hộp 20 gói x 1,5g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
8	604	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	Panalgan Effer Codein	VD-31631-19	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vi x 4 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
9	790	Pyridoxin HCl + Magnesi lactat dihydrat	Magnesium - B6	VD-16231-12	5mg + 470mg	Viên nén bào phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG					8							
TỔNG CỘNG					9							

19 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI AN PHÚ

Nhóm 4												
1	86	Amoxicilin + sulbactam	Viciamox	VD-27147-17	1g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	ĐẠT
2	137	Bromhexin hydroclorid	Amtesius	VD-32241-19	4mg	Thuốc cóm pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 3g	Uống	Gói	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG					2							
TỔNG CỘNG					2							

20 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM

34/181

LMV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 2												
1	250	Desloratadin	Desbebe	VN-20422-17	0,5mg/ml, chai 60ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 1 lọ 60ml	Uống	chai/lọ/túi/ống	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
2	286	Dutasterid	Dutabit 0.5	VN-22590-20	0,5mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Aurobindo Pharma Limited.	Ấn Độ	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									
TỔNG CỘNG			2									
21 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT												
Nhóm 1												
1	263	Diclofenac	Elaria 100mg	VN-20017-16	100mg	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	Medochemie Ltd. - Factory COGOLS	Cyprus	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG			1									
22 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI TÍN												
Nhóm 4												
1	569	Nizatidin	Hypniza 300	VD-28985-18	300mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG			1									
23 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI TRƯỜNG SON												
Nhóm 2												

2000/01/11

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	7	Acetyl leucin	SaViL leucin	VD-29126-18	500mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	1									

24 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Nhóm 3												
1	330	Fexofenadin hydroclorid	Danapha - Teladin	VD-24082-16 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-ĐK)	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
2	819	Rosuvastatin	Danapha-Rosu 20	VD-33287-19	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	2									

Nhóm 4												
3	59	Amitriptylin HCl	Amitriptylin 25mg	VD-31039-18	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 100 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
4	60	Amitriptylin HCl	Amitriptylin 10mg	VD-18903-13 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 23/05/2027. SỐ QĐ 277/QĐ-QLD)	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 500 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
5	238	Clorpromazin HCl	Aminazin 1,25%	VD-30228-18	25mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
6	239	Clorpromazin HCl	Aminazin 25mg	VD-28783-18	25mg	Viên nén bao đường	Hộp 1 lọ x 500 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	355	Galantamin	Nedaryl 4	VD-23440-15 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-ĐK)	4mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
8	393	Haloperidol	Haloperidol 2mg	VD-18188-13 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-ĐK)	2mg	Viên nén	Hộp 1 lọ x 200 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
9	501	Metoclopramid hydroclorid	Metoran	VD-25093-16 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 6942/QLD-ĐK)	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
10	506	Midazolam	Zodalan	VD-27704-17 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 6942/QLD-ĐK)	5mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
11	525	Naphazolin hydroclorid	Naphazolin 0,05% Danapha	VD-29627-18	2,5mg/5ml	Dung dịch nhỏ mũi	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhỏ mũi	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
12	625	Phenobarbital	Garnotal	VD-24084-16 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-ĐK)	100mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	633	Piracetam	Neurostyl 3g	VD-19271-13 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-DK)	3g	Dung dịch tiêm	Hộp 4 ống x 15ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
14	638	Povidon Iod	PVP - Iodine 10%	VD-30239-18	10,0g/100 ml	Dung dịch dùng ngoài	Lọ 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
15	668	Rebamipid	Damipid	VD-30232-18	100mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
16	708	Sorbitol	Sorbitol 5g	VD-25582-16 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 6942/QLD-DK)	5g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 20 gói x 5g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
17	719	Sumatriptan	Darintab	VD-20630-14 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 6942/QLD-DK)	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 1 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
18	746	Tramadol HCl	Trasolu	VD-33290-19	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
19	750	Trihexyphenidyl hydrochlorid	Danapha-Trixex 2	VD-26674-17 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-DK)	2mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
20	764	Natri valproat	Dalekine 500	VD-18906-13 (Công văn gia hạn: 31/12/2022. SỐ QĐ 4781/QLD-DK)	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 5			TỔNG CỘNG	18								

21	507	Midazolam	Zodalan	VD-27704-17 (Công văn gia hạn: GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022. SỐ QĐ 6942/QLD-ĐK)	5mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ông	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	1								

26 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Nhóm 4

1	133	Bisoprolol fumarat +Hydrochlorothiazid	Domecor plus 2,5mg/6,25mg	VD-25920-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK, NGÀY 20/07/2022)	2,5mg+6,25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
2	228	Cetirizin dihydroclorid	Cetirizin 10mg	VD-25918-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK, NGÀY 20/07/2022)	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
3	340	Flunarizin	Dofluzol 5mg	VD-26460-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK, NGÀY 02/06/2022)	5 mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT

20/07/2022

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	367	Gliclazid	Dorocron MIR 60mg	VD-26467-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK, NGÀY 02/06/2022)	60mg	Viên nén giải phóng, có biến đổi	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 10 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
5	441	Lamivudin	Lamivudin - Domesco 100 mg	VD-32282-19	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
6	467	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	Lisinopril 5mg	VD-27384-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK, NGÀY 02/06/2022)	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
7	541	Natri clorid; Natri citrat dihydrat; Kali clorid; Glucose khan	Oresol 245	VD-27387-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK, NGÀY 02/06/2022)	520mg; 580mg; 300mg; 2.700mg	Thuốc bột uống	Hộp 20 gói x 4,1 g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
8	604	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	Dopagan- Codein Effervescent	VD-30015-18	500mg+30 mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
9	620	Perindopril terbutylamin + Indapamid	Dorover plus	VD-19145-13 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 3125E/QLD-DK, NGÀY 12/03/2021)	4mg+1,25 mg	Viên nén	Hộp 1 túi nhôm x 1 vỉ x 30 viên nén	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT




STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
10	656	Propranolol hydrochlorid	Dorocardyl 40mg	VD-25425-16 (Công văn gia hạn: , CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK, NGÀY 20/07/2022)	40mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 100 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
11	780	Thiamin mononitrat	Vitamin B1 250mg	VD-25927-16 (Công văn gia hạn: , CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK, NGÀY 20/07/2022)	250mg	Viên nang cứng (nâu-xanh)	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
12	787	Pyridoxin hydrochlorid	Vitamin B6 250mg	VD-27389-17 (Công văn gia hạn: , CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK, NGÀY 02/06/2022)	250mg	Viên nang cứng	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
13	812	Metformin hydrochlorid	Glucosfine 1000 mg	VD-33036-19	1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
14	813	Metformin hydrochlorid	Glucosfine 500 mg	VD-32279-19	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
15	820	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Dorosur 20 mg	VD-23898-15 (Công văn gia hạn: , QĐ GIA HẠN SỐ 574/QĐ-QLD, NGÀY 26/9/2022)	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			15									

TỔNG CỘNG

15

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH

26/7
2024
M

STT	STT trong HSM/T	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GP/NK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 1

1	234	Citalopram	Pranital	VN-21205-18	20mg	viên	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Anfarm hellas S.A	Hy Lạp	ĐẠT
2	278	Donepezil	Subenin	VN-22603-20	10mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Anfarm hellas S.A	Greece	ĐẠT
3	444	Levetiracetam	Leracet 500mg Film-coated tablets	VN-20686-17	500mg	viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	J Uriach Y Compania,S.A	Spain	ĐẠT
4	588	Pantoprazol	Panto-Denk 20	VN-19143-15	20mg	viên	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Denk Pharma GmbH Co.KG	Đức	ĐẠT
TỔNG CỘNG				4								

Nhóm 2

5	319	Farnotidin	Farnoster Injection 10mg/ml "T.F"	VN-19691-16	20mg x 2ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Hộp 10 ống 2ml Dung dịch tiêm	Tiêm	chai/lo/túi/ống	Ta Fong Pharmaceutical Co., Ltd	Taiwan	ĐẠT
6	356	Galantamin	Deruff	VD-26496-17	8mg	viên	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty CP DP Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								

TỔNG CỘNG

6

28 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

Nhóm 1

1	9	Mỗi gói 3g chứa: Acetylcystein 200mg	ACC 200 (Cơ sở xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH, Địa chỉ: Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben, Germany)	VN-19978-16	200mg	Bột pha dung dịch uống	Hộp 50 gói	Uống	Gói	Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	ĐẠT
---	---	--------------------------------------	--	-------------	-------	------------------------	------------	------	-----	--	-----	-----

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	65	Perindopril (dưới dạng Perindopril Arginine 5mg) 3,395mg; Indapamide 1,25mg; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg;	TRIPLIXAM 5mg/1.25mg/5mg	VN3-11-17	5mg; 1,25mg; 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	Uống	Viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ailen	ĐẠT
3	73	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Augmentin 250mg/31,25mg	VN-17444-13	250mg + 31,25mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói	Uống	Gói	Glaxo Wellcome Production	Pháp	ĐẠT
4	126	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol 2,5mg	VN-21087-18	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Lek S.A	Ba Lan	ĐẠT
5	130	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol 5mg	VN-22178-19	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Uống	Viên	Lek S.A	Ba Lan	ĐẠT
6	134	Mỗi 1ml hỗn dịch chứa Brinzolamide	Azopt	VN-21090-18	10mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Alcon Research, LLC.	Mỹ	ĐẠT
7	176	Cefaclor	Ceclo	VN-15935-12	125mg/ 5ml, 30ml	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ 30ml	Uống	Lọ	ACS Dobfar S.P.A.	Ý	ĐẠT
8	363	Metformin hydrochlorid (tương đương với metformin 390 mg); glibenclamid	Glucovance 500mg/2,5mg	VN-20022-16	500mg/2,5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	ĐẠT
9	414	Irbesartan 150mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Tensiber Plus (đóng gói: Lek Pharmaceuticals d.d, địa chỉ: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)	VN-21323-18	150mg + 12.5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Lek Pharmaceuticals d.d,	Slovenia	ĐẠT
10	426	Kali chloride	Kaleorid	VN-15699-12	600mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 3 vỉ x 10 viên bao phim giải phóng chậm	Uống	Viên	Leo Pharmaceutical Product Ltd. A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	435	Ketoprofen	Fastum Gel	VN-12132-11	2,5g/100g gel, 30g	Gel bôi ngoài da	1 tuýp 30g/hộp	Bôi ngoài da	Tuýp	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	ĐẠT
12	449	Levofloxacin	Cravit I.V.	VN-9170-09	5mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Lọ	Olic (Thailand) Ltd.	Thái Lan	ĐẠT
13	494	Metformin hydrochlorid	Glucophage XR 750mg	VN-21911-19	750mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Merck Sante s.a.s	Pháp	ĐẠT
14	558	Mỗi 250ml như tương chứa: Dầu đậu nành 25g; Glycerol 6,25g; Phospholipid từ trứng 1,5g	Lipovenoes 10% PLR	VN-22320-19	10%, 250ml	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	ĐẠT
15	559	100ml như tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu ô-liu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	SMOFIipid 20%	VN-19955-16	20%, 100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng 10 chai 100 ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	ĐẠT
16	616	Perindopril arginine 5mg; (tương đương 3,395mg perindopril); Amlodipine (dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	Coveram 5mg/5mg	VN-18635-15	5mg, 5mg	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	Uống	Viên	Servier Ireland Industries Ltd	Ái-len	ĐẠT
17	618	Perindopril (tương ứng 3,5mg perindopril arginine) 2,378 mg; Amlodipine (tương ứng 3,4675mg amlodipine besilate) 2,5mg	Viacoram 3,5mg/2,5mg	VN3-46-18	3,5mg, 2,5mg	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	Uống	Viên	Servier (Ireland) Industries Ltd	Ái-len	ĐẠT
18	621	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg; Indapamide 1,25 mg	Coversyl Plus Arginine 5mg/1,25mg	VN-18353-14	5 mg; 1,25mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
19	648	Progesterone (dạng hạt mịn)	Utrogestan 100mg	VN-19019-15	100mg	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống, đặt âm đạo	Viên	Sản xuất bán thành phẩm: Capsugel Ploermei; Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng: Besins Manufacturing Belgium	CSSX: Pháp; đóng gói: Bỉ	ĐẠT
20	649	Progesterone (dạng hạt mịn)	Utrogestan 200mg	VN-19020-15	200mg	Viên nang mềm	Hộp 15 viên (1 vỉ 7 viên + 1 vỉ 8 viên)	Uống, đặt âm đạo	Viên	Sản xuất bán thành phẩm: Capsugel Ploermei; Đóng gói, kiểm nghiệm và xuất xưởng: Besins Manufacturing Belgium	CSSX bán thành phẩm: Pháp; Đóng gói, kiểm nghiệm, xuất xưởng: Bỉ	ĐẠT
21	682	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5mg	Ventolin Nebules	VN-20765-17	2,5mg/ 2,5ml	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	ĐẠT
22	686	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 5 mg	Ventolin Nebules	VN-22568-20	5mg/ 2,5ml	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	ĐẠT
23	691	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised); Fluticasone propionate (dạng micronised)	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	VN-22403-19	25mcg + 250mcg	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Hít qua đường miệng	Bình xịt	Glaxo Wellcome SA,	Tây Ban Nha	ĐẠT
24	701	Simethicon	Espumisan L	VN-22001-19	40mg/ml	Nhũ dịch uống	Hộp 1 lọ 30ml có nắp nhỏ giọt	Uống	Lọ	Berlin Chemie AG	Đức	ĐẠT

Handwritten signature/initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25	731	Thiamazole	Thyrozol 5mg	VN-21907-19	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG và xuất xưởng: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức; CSDG và xuất xưởng: Áo	ĐẠT
26	748	Travoprost	Travatan	VN-15190-12	0,04mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	Nhỏ mắt	Lọ	S.A. Alcon-Couvreur N.V	Bỉ	ĐẠT
27	773	Vildagliptin	Galvus	VN-19290-15	50mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Siegrfried Barbara, S.L.	Tây Ban Nha	ĐẠT
28	774	Vildagliptin, Metformin hydrochloride	Galvus Met 50mg/1000mg	VN-19291-15	50mg+1000mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Novartis Pharma Produktions GmbH	Đức	ĐẠT
29	831	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	Forxiga	VN3-37-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	AstraZeneca Pharmaceuticals LP; đóng gói AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ, đóng gói: Anh	ĐẠT
30	844	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion	VN-21211-18	100mg/ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 2ml	tiêm	Lọ	Patheon Manufacturing Services LLC; đóng gói tại: N.V. Organon	CSSX: Mỹ, đóng gói: Hà Lan	ĐẠT
31	847	Budesonid	Pulmicort Respules	VN-21666-19	0,5mg/ml	Hỗn dịch khi dùng dùng để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Hít	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	ĐẠT
TỔNG CỘNG			31									

Nhóm 2

46/181

Handwritten signature and stamp

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hãng hóa dược thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
35	654	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct	VN-17438-13	1%, 20ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	ĐẠT
36	673	Rocuronium Bromide 10mg/ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-22745-21	10mg/ml	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 10 lọ x 5ml	Tiêm hoặc Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	ĐẠT
37	683	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2,5mg	Ventolin Nebules	VN-20765-17	2,5mg/ 2,5ml	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vi x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									

Nhóm 5

38	358	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Geloplasma	VN-19838-16	500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	ĐẠT
39	655	Propofol 1% (10mg/ml)	Fresofol 1% Mct/Lct	VN-17438-13	1%, 20ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

TỔNG CỘNG

35

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

29

Nhóm 1

not MV log

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	252	Dexamethason phosphat (Dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 4mg/ml; tương đương Dexamethason 3,3mg/ml	DEPAXAN	VN-21697-19	4mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	S.C. Rompharm Company S.r.l	Rumani	ĐẠT
2	588	Pantoprazol	NOLPAZA 20MG	VN-22133-19	20mg	Viên nén kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto.	Slovenia	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
2												
Nhóm 2												
3	1	Acarbose	SAVI ACARBOSE 100	VD-24268-16	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
Nhóm 3												
4	185	Cephalexin	FIRSTLEXIN 250	VD-15814-11	250mg	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco.	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
Nhóm 4												
5	4	Acetazolamid	ACETAZOLAMID	VD-27844-17	250mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	ĐẠT
6	83	Amoxicilin + acid clavulanic	AUCLANITYL 500MG/125MG	VD-34739-20	500mg + 125mg	Thuốc cốt pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 3,8g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco	Việt Nam	ĐẠT

2/2/2024
MMV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	138	Bromhexin hydroclorid	BROMHEXINE A.T	VD-25652-16	4mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
8	246	Desloratadin	DESLOMEYER	VD-32323-19	2,5mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
9	253	Dexamethason natri phosphat	DEXAMETHASON E	VD-25856-16	4mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	ĐẠT
10	256	Dexibuprofen	MEYERDEFEN	VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
11	273	Diphenhydramin HCl	DIMEDROL	VD-23761-15	10mg/ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	ĐẠT
12	290	Enalapril + hydrochlorothiazid	MEYERNAZID	VD-34421-20	10mg; 12,5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
13	342	Flurbiprofen	FLURBIPROFEN 100	VD-29495-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Quang Minh	Việt Nam	ĐẠT
14	360	Gentamicin sulfat	GENTAMICIN 0,3%	VD-19546-13	0,3%/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	ĐẠT
15	515	Moxifloxacin	EGALDY	VD-30644-18	0,5%; 5ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	ĐẠT
16	564	Nicorandil	MEYERICODIL 5	VD-34418-20	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and date: 22/01/2021

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	613	Perindopril	OPECOSYL ARGIN 5	VD-25237-16	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	ĐẠT
18	622	Perindopril + Indapamid	TOVECOR PLUS	VD-26298-17	5 mg + 1,25 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	ĐẠT
19	703	Sitagliptin	MEYERSILIPITIN 50	VD-27415-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
20	721	Tacrolimus	CHAMCROMUS 0,1%	VD-26294-17	Mỗi 5g chứa Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat) 5 mg	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	ĐẠT
21	784	Vitamin B1; Vitamin B6; Vitamin B12.	VITAMIN 3B EXTRA	VD-31157-18	100mg; 100mg; 150mcg.	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG					17							
TỔNG CỘNG					21							
30 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG												
Nhóm 1												
1	6	Acetylleucine	Tanganil 500mg	VN-22534-20	500mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	ĐẠT




STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	36	Adapalene	Differin Cream 0,1% 30g	VN-19652-16 (Công văn gia hạn: QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	0,1%;30g	Kem	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Laboratoires Galderma	Pháp	ĐẠT
3	126	Bisoprolol fumarate	Bisoprolol Fumarate 2.5mg	VN-18126-14 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	2,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Niche Generics Limited	Ireland	ĐẠT
4	269	Diosmectit	Smecta	VN-19485-15 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 265/QĐ-QLD NGÀY 11/05/2022))	3g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói (mỗi gói 3.76g)	Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	ĐẠT
5	305	Etifoxin hydrochlorid	Stresam	VN-21988-19	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Biocodex	Pháp	ĐẠT
6	403	Insulin lispro	Humalog Kwikpen	QLSP-1082-18	300U (tương đương 10,5mg)/3 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Eli Lilly Italia S.p.A	Ý	ĐẠT
7	405	Insulin glargine	Basaglar	SP3-1201-20	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 05 bút tiêm x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Lilly France	Pháp	ĐẠT

2022/06/2022

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNN	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	409	Insulin người (30% insulin hòa tan + 70% insulin isophan)	Humulin 30/70 K.wipken	QL-SP-1089-18	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Lilly France	Pháp	ĐẠT
9	478	Macrogol 4000	Forlax	VN-16801-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	10g	Bột pha dung dịch uống	Hộp 20 gói	Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	ĐẠT
10	542	Natri hyaluronat	Tearbalance ophthalmic solution 0.1%	VN-18776-15 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	ĐẠT
11	591	Paracetamol	Efferalgan 150mg Suppo	VN-21850-19	150mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	ĐẠT
12	592	Paracetamol	Efferalgan 80mg Suppo	VN-20952-18	80mg	Viên đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên đạn	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	ĐẠT
13	593	Paracetamol	Efferalgan 300mg Suppo	VN-21217-18	300mg	Viên đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	ĐẠT
14	624	Phenazone + Lidocaine hydrochloride	Otipax	VN-18468-14 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	4g/100g (4%) + 1g/100g (1%); 15ml	Dung dịch nhỏ tai	Hộp 1 lọ 15ml (chứa 16g dung dịch nhỏ tai) kèm ống nhỏ giọt	Nhỏ tai	Lọ	Biocodex	Pháp	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	644	Prednisolon acetat	Pred Forte	VN-14893-12 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	1% w/v (10mg/ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 5ml	Nhỏ mắt	Chai	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	ĐẠT
16	678	Saccharomyces boulardii CNCM 1-745	Bioflora 100mg	VN-16392-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 683/QĐ-QLD NGÀY 25/10/2022))	100mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp chứa 20 gói	Uống	Gói	Biocodex	Pháp	ĐẠT
17	840	Levofloxacin hydrat	Cravit 1.5%	VN-20214-16 (Công văn gia hạn: QĐ 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	15mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.-Nhà máy Noto	Nhật	ĐẠT
18	841	Phân chiết lipid-sterol của cây Serenoa repens	Permixon 160mg	VN-22575-20	160mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Pierre Fabre Medicament production	Pháp	ĐẠT
Nhóm 2			TỔNG CỘNG	18								
19	688	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfate)	Buto-Asma	VN-16442-13 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	100mcg/liều	Khi dung đã chia liều	Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	Đường hô hấp	Bình	Laboratorio Aldo-Unión SL	Tây Ban Nha	ĐẠT
Nhóm 3			TỔNG CỘNG	1								
20	475	Losartan potassium + Hydrochlorothiazide	Combizar	VD-28623-17	50mg + 12,5mg	Viên bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
21	495	Metformin hydroclorid	Fordia MR 750mg	VD-30179-18	750mg	Viên nén bao phim thích có kiểm soát	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	ĐẠT
22	767	Valsartan	Hyvalor 80mg	VD-23418-15 (Công văn gia hạn: QĐ GIA HẠN SỐ 132/QĐ-QLD NGÀY 22/03/2021))	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				3								
Nhóm 4												
23	272	Diosmin	Biviven	VD-31013-18	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
24	496	Metformin hydroclorid	Fordia MR 750mg	VD-30179-18	750mg	Viên nén bao phim thích có kiểm soát	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								
TỔNG CỘNG				24								
31 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC VIỆT												
Nhóm 2												

mm

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	307	Etodolac	Tamunix	VN-10116-10. (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK, NGÀY 02/06/2022, HIỆU LỰC: 31/12/2022))	300mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Incepta Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	ĐẠT
2	309	Etodolac	Tamunix	VN-10116-10 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-ĐK, NGÀY 02/06/2022, HIỆU LỰC: 31/12/2022))	300mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Incepta Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									
Nhóm 4												
3	579	Nystatin + neomycin + polymyxin B	Vaginapoly	VD-16740-12 (Công văn gia hạn: . (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ: 4781/QLD-ĐK, NGÀY 02/06/2022, HIỆU LỰC: 31/12/2022))	100,000 IU+ 35,000 IU + 35,000 IU	viên đặt âm đạo	Hộp 2 vỉ x 6 viên	Đặt	Viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG			3									
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH												
Nhóm 2												

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	68	Amoxicilin	Pharmox IMP 250mg	VD-31725-19	250mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói	Uống	Gói	Chi nhánh công ty CP Dược phẩm Imexpharm Nhà máy Kháng sinh CNC Vĩnh Lộc	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	1									

33 CÔNG TY CỔ PHẦN EUTICAL

Nhóm 1												
1	265	Digoxin	Digoxin/Anfarm	VN-21737-19	0,5mg/ 2ml	dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Anfarm hellas S.A.	Hy Lạp	ĐẠT
2	698	Sắt (III) hydroxid Sucrose complex	Hemafar-S	VN-21729-19	100mg/ 5ml	dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm truyền	Ống	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories S.A.	Hy Lạp	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	2									
		TỔNG CỘNG	2									

34 CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL PHARMACEUTICAL

Nhóm 1												
1	311	Etoricoxib	Roticox 30mg film-coated tablets	VN-21716-19	30mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Krka, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	1									

35 CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA

Nhóm 1												
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	51	Ambroxol	HALIXOL	VN-16748-13 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD, NGÀY 23/09/2022))	30mg	Viên nén	Hộp/2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	ĐẠT
			TỔNG CỘNG									
Nhóm 2			1									

2	2	Acarbose	SAVI ACARBOSE 25	VD-28030-17	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SAVI	Việt Nam	ĐẠT
3	109	Baclofen	ZAMKO 25	VD-30504-18	25mg	Viên nén bao phim	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SAVI	Việt Nam	ĐẠT
4	144	Calci carbonat + calci gluconolactat	CALCIUM STELLA 500MG	VD-27518-17	0,3g + 2,94g	Viên nén sùi bọt	Hộp/1 tuýp x 20 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
5	175	Carvedilol	CARVAS 6.25 TABLETS	VN-21899-19	6,25mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Medley Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
6	247	Desloratadin	ZOLASTYN	VD-28924-18	5mg	Viên nén bao phim	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
7	271	Diosmin	ISAIAS	VD-28464-17	600mg	Viên nén bao phim	Hộp/6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
8	293	Eperison	MATERAZZI	VD-20075-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 3414E/QLD-ĐK, NGÀY 14/03/2021))	50mg	Viên nén bao phim	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	312	Etoricoxib	SAVI ETORICOXIB 30	VD-25268-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 15869E/QLD-DK NGÀY 06/09/2021))	30mg	Viên nén bao phim	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SAVI	Việt Nam	ĐẠT
10	370	Glimepirid	GREGORY-2	VD-20523-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 10517E/QLD-DK, NGÀY 31/05/2021))	2mg	Viên nén bao phim	Hộp/6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
11	516	Moxifloxacin	MOXIFLOXACIN (AS HYDROCLORID) 400MG	VN-22432-19	400mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
12	646	Pregabalin	MORITUS	VD-19664-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 651E/QLD-DK NGÀY 08/02/2021))	75mg	Viên nang cứng	Hộp/6 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
13	723	Telmisartan + hydrochlorothiazid	ZHEKOF-HCT	VD-28489-17	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp/6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
14	744	Tolperison	MYOPAIN 150	VD-20084-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 1290E/QLD-DK NGÀY 17/02/2021))	150mg	Viên nén bao phim	Hộp/5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and stamp:


STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	795	Vitamin C	VITAMIN C STELLA 1G	VD-25486-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 8714E/QLD-ĐK, NGÀY 26/05/2021))	1,000mg	Viên nén sủi bọt	Hộp/4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												
16	106	Bacillus subtilis	DOMUVAR	QLSP-902-15 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 2345E/QLD-ĐK, NGÀY 01/03/2021))	2.10 ⁹ CFU	Hỗn dịch	Hộp/8 vỉ x 5 ống nhựa x 5ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần được phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
17	156	Calci lactat	A.T CALCIUM 300	VD-29682-18	300mg	Viên nén	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
18	245	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	HORNOL	VD-16719-12 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 139E/QLD-ĐK NGÀY 06/01/2022))	5mg+3mg	Viên nang	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
19	383	Glucose	GLUCOSE 20%	VD-29314-18	20% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
20	384	Glucose	GLUCOSE 30%	VD-23167-15 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH GIA HẠN SỐ 201/QĐ-QLD, NGÀY 20/04/2022))	30% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT

16/9

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
21	386	Glucose	GLUCOSE 5%	VD-28252-17	5% 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
22	442	Lansoprazol	LANCID 15	VD-33270-19	15mg	Viên nang	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được Apimed	Việt Nam	ĐẠT
23	481	Magnesi aspartat + kali aspartat	MEYERAPAGIL	VD-34036-20	140mg + 158mg	Viên nén bao phim	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	ĐẠT
24	484	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	CHALME	VD-24516-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 5195E/QLD-DK, NGÀY 12/04/2021))	800,4mg + 611,76mg	Hỗn dịch	Hộp/20 gói x 15g	Uống	Gói	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
25	489	Magnesi sulfat	MAGNESI SULFAT KABI 15%	VD-19567-13 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH GIA HẠN SỐ 574/QĐ-QLD, NGÀY 26/09/2022))	0,15 g/ml x 10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
26	501	Metoclopramid	METOCLOPRAMID KABI 10MG	VD-27272-17	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 12 ống x 2ml	Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
27	531	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 414E/QLD-DK, NGÀY 05/02/2021))	0,9% 1000ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 12 chai nhựa 1000 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
28	533	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 414E/QLD-DK, NGÀY 05/02/2021))	0,9% 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
29	535	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 414E/QLD-ĐK, NGÀY 05/02/2021))	0,9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
30	537	Natri clorid	NATRI CLORID 3%	VD-23170-15 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH GIA HẠN SỐ 201/QĐ-QLD, NGÀY 20/04/2022))	3% 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 Chai x 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
31	556	Neostigmin metylsulfat (bromid)	NEOSTIGMIN KABI	VD-34331-20	0,5mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm bắp- tiêm tĩnh mạch- tiêm dưới da	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
32	595	Paracetamol	BABEMOL	VD-21255-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 2476E/QLD-ĐK, NGÀY 01/03/2021))	120mg/5ml	Siro	Hộp/30 gói x 5ml	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	ĐẠT
33	600	Paracetamol	PALLAS 250MG	VD-34660-20	250mg/5ml	Dung dịch	Hộp/30 gói x 5ml	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
34	633	Piracetam	PIRACETAM KABI	VD-20016-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 424E/QLD-ĐK, NGÀY 05/02/2021))	3g/15ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống 15ml	Tiêm bắp - Tĩnh mạch	Ống	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
35	697	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic	IRONKEY	VD-26789-17	100mg + 350mcg	Viên nén nhai	Hộp/3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Gia Nguyễn	Việt Nam	ĐẠT

WJ
2024 MW

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
36	751	Trimebutin maleat	DECOLIC	VD-19304-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 18532E/QLD-DK, NGÀY 18/11/2021))	24mg	Bột pha hỗn dịch	Hộp/20 gói x 1,15g	Uống	Gói	Công ty cổ phần được phẩm 3/2	Việt Nam	ĐẠT
37	793	Vitamin C	A.T ASCORBIC Syrup	VD-25624-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 14139E/QLD-DK NGÀY 26/07/2021))	100mg/5ml	Dung dịch	Hộp/30 ống nhựa x 5ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần được phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
38	816	Paracetamol	PARACETAMOL KABI 1000	VD-19568-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 415E/QLD-DK, NGÀY 05/02/2021))	1000mg/10 0ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 48 chai x 100 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
39	834	Glucose	GLUCOSE 5%	VD-28252-17	5% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				24								
Nhóm 5												
40	536	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 414E/QLD-DK, NGÀY 05/02/2021))	0,9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT




STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
41	672	Ringer lactat	RINGER LACTATE	VD-22591-15 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 10286E/QLD-ĐK, NGÀY 31/05/2021))	500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
42	835	Glucose	GLUCOSE 5%	VD-28252-17	5% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									
TỔNG CỘNG			42									
36 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀ ĐÔNG												
Nhóm 1												
1	548	Natri montelukast	Montesin 10mg	VN-20381-17	10mg	viên	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	GenePharm S.A	Hy Lạp	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG			1									
37 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HAMI												
Nhóm 2												
1	187	Cefamandol	Cefamandol 1g	VD-31706-19	1g	thuốc bột pha tiêm	hộp 10 lọ	Tiêm truyền	lọ	Chi nhánh 3-Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt nam	ĐẠT
2	188	Cefamandol	Tenadol 2000	VD-35455-21	2g	thuốc bột pha tiêm	hộp 10 lọ	Tiêm truyền	lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyl	Việt nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 4

3	112	Beclomethason dipropionat	Meclozone	VD-25904-16 (Công văn gia hạn: (CỎ CÔNG VĂN GIA HẠN))	mỗi liều 0,05 ml chứa: Beclomethason dipropionat 0,05mg	huyền dịch xịt mũi	hộp 1 lọ	Xịt mũi	hộp	Công ty cổ phần tập đoàn Metrap	Việt nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		1								

TỔNG CỘNG

3

38 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

Nhóm 2

1	20	Acyclovir	Medskin Acyclovir 200	VD-20576-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-BK)	200mg	viên nén	hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
2	23	Acyclovir	Medskin Clovir 400	VD-22034-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-BK)	400mg	viên nén	hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
3	110	Bambuterol hydroclorid	Baburex	VD-24594-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-BK)	10mg	viên nén	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
4	118	Betahistine dihydroclorid	Betahistine 16	VD-22365-15 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-BK)	16mg	viên nén	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
5	329	Fexofenadin HCL	Telior 60	VD-26604-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-BK)	60mg	viên nén bao phim	hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	333	Fexofenadin HCL	Telfor 120	VD-26009-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK)	120mg	viên nén bao phim	hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
7	364	Metformin HCL + Glibenclamide	GliridHG 500mg/5mg	VD-24599-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK)	500mg + 5mg	viên nén bao phim	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
8	372	Glimepiride	Glumerif 4	VD-22032-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 201/QĐ-QLD)	4mg	viên nén	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
9	606	Paracetamol + Ibuprofen	Hapacol đau nhức	VD-20569-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK)	325mg + 200mg	viên nén	hộp 10 vỉ x 5 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
10	659	Rabeprazol natri (dưới dạng Rabeprazol natri hydrat)	Raxium 20	VD-28574-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK)	20mg	viên nén bao tan trong ruột	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
11	712	Spiramycin + Metronidazol	ZidocinDHG	VD-21559-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 201/QĐ-QLD)	750.000 IU + 125mg	viên nén bao phim	hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
12	744	Tolperison hydrochlorid	Mynarac	VD-30132-18	150mg	viên nén bao phim	hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
13	755	Trimetazidin dihydroclorid	Vastec 35 MR	VD-27571-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK)	35mg	viên nén bao phim giải phóng biến đổi	hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPKK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
14	789	Magnesi lactat dihydrat + Vitamin B6	Magnesi - B6	VD-21782-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK)	470mg + 5mg	viên nén bao phim	hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
14												
Nhóm 3												
15	75	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	Klimentin 250/31.25	VD-24615-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK)	250mg + 31,25mg	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 1g	Uống	gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
16	100	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 250	VD-26005-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-DK)	250mg	viên nén bao phim	hộp 10 vỉ x 6 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
17	495	Metformin hydroclorid	Glumeform 750 XR	VD-35539-22	750mg	viên nén giải phóng kéo dài	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												
Nhóm 4												
18	101	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Zaromax 250	VD-26005-16 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-DK)	250mg	viên nén bao phim	hộp 10 vỉ x 6 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
19	124	Bisacodyl	BisacodylDHG	VD-21129-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK)	5mg	viên nén bao phim tan trong ruột	hộp 4 vỉ x 25 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
20	148	Calci (dưới dạng Calci carbonat) + Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 GFP)	Davita bone sugar free	VD-21556-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK)	600mg + 400IU	viên nén sủi bọt	hộp 1 tuýp x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT

2009 MN

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
21	430	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat 70mg)	Unikids Zinc 70	VD-27570-17 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK)	10mg	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	hộp 24 gói x 1,5g	Uống	gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
22	496	Metformin hydroclorid	Glumeform 750 XR	VD-35539-22	750mg	viên nén giải phóng kéo dài	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
23	541	Natri clorid + Natri citrat dihydrat + Kali clorid + Glucose khan	Oresol 245	VD-22037-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK)	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	thuốc bột	hộp 20 gói x 4,1g	Uống	gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
24	545	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	Molukat 4	VD-33303-19	4mg	viên nén nhai	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
25	601	Paracetamol + Clopheniramin maleat	Hapacol 150 Flu	VD-20557-14 (Công văn gia hạn: CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK)	150mg + 1mg	thuốc bột sủi bọt	hộp 24 gói x 1,5g	Uống	gói	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
26	811	Metformin hydroclorid	Glumeform 1000 XR	VD-35537-22	1000mg	viên nén giải phóng kéo dài	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			9									

TỔNG CỘNG 26

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HELIOS

39

Nhóm 1

1	218	Ceftriaxone (dưới dạng Ceftriaxone sodium)	Ceftriaxone 2000	VD-19450-13	2000 mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

67/181

20/01/2021

STT	STT trong HSM/T	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 4

2	304	Ethamsylat	Bivibact 250	VD-19949-13	250mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	ĐẠT
3	392	Guaiazulen + Dimethicon	Pepsia	VD-20795-14	4mg/10g + 3000mg/10g	Thuốc uống dạng gel	Hộp 30 gói x 10g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	ĐẠT
4	772	Vancomycin	Valbivi 1.0g	VD-18366-13	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				3								

TỔNG CỘNG

4

40

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN MAI

Nhóm 2

1	74	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 250mg/31,25mg	VD-31714-19	250mg + 31,25mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 12 gói 1g	Uống	Gói	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	ĐẠT
2	82	Amoxicilin + acid clavulanic	Imefed 500mg/125mg	VD-31718-19	500mg + 125mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 12 gói x 1,6g	Uống	Gói	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Imexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	212	Cefpodoxim	Imedoxim 200	VD-27891-17	200mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh 3 - Công ty CP Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
Nhóm 4												
4	38	Aescin	Escin 20mg	VD-35445-21	20mg	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	ĐẠT
Nhóm 1												
41 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HIỆP BẠCH NIÊN												
Nhóm 1												
1	514	Moxifloxacin	Moxifloxan 5mg/ml eye drops solution	VN-22375-19	5mg/ml, 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	ĐẠT
Nhóm 2												
2	664	Ramipril	Torpance-5	VN-20351-17	5mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
Nhóm 1												
42 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC												
Nhóm 1												
1	39	Alfuzosin HCL	Xatral XL 10mg	VN-22467-19	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	43	Aluminium phosphate 20% gel	Phosphalugel	VN-16964-13	12,38g/gói 20g	Hỗn dịch uống	Hộp 26 gói x 20g	Uống	Gói	Pharmatis	Pháp	ĐẠT
3	57	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml	VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 3ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Sanoft Windtrop Industrie	Pháp	ĐẠT
4	103	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	ENTEROGERMIN A	QLSP-0728-13	2 tỷ bào tử/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 02 vỉ x 10 ống x 05ml	Uống	Ống	Sanoft S.p.A.	Ý	ĐẠT
5	335	Fexofenadin HCl	Telfast HD	VD-28324-17	180mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Sanoft Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
6	403	Insulin glulisine	Apidra Solostar	QLSP-915-16	100 đơn vị/ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanoft-Aventis Deutschland GmbH	Đức	ĐẠT
7	527	Naproxen	Nadaxena	VN-21927-19	500mg	Viên nén bao phim kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Adamed Pharma S.A	Ba Lan	ĐẠT
8	658	Rabeprazol natri	Bepurasan 20mg	VN-21085-18	20mg	Viên nén kháng dịch vị	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	ĐẠT
9	837	Insulin glargine	Toujeo Solostar	QLSP-1113-18	300 đơn vị/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	Tiêm	Bút tiêm	Sanoft-Aventis Deutschland GmbH	Đức	ĐẠT
TỔNG CỘNG				9								

70/181

[Signature]

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 2												
10	91	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	Vaslor-40	VD-28487-17	40mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vị Phú	Việt Nam	ĐẠT
11	104	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	ENTEROGERMIN A	QLSP-0728-13	2 tỷ bào tử/ 5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 02 vỉ x 10 ống x 05ml	Uống	Ống	Sanofi S.p.A.	Ý	ĐẠT
12	110	Bambuterol hydroclorid	Hayex	VD-28462-17	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vị Phú	Việt Nam	ĐẠT
13	118	Betahistin.2HCl	Divaser-F	VD-20359-13	16mg	Viên nén dài	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vị Phú	Việt Nam	ĐẠT
14	121	Betahistin dihydroclorid	Divaser	VD-28453-17	8mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vị Phú	Việt Nam	ĐẠT
15	163	Candesartan cilexetil	Guarente-8	VD-28461-17	8mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vị Phú	Việt Nam	ĐẠT
16	175	Carvedilol	Peruzi-6,25	VD-18514-13	6,25mg	Viên nén tròn	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vị Phú	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	243	Colchicin	Colchicine	VD-19169-13	1mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
18	286	Dutasterid	Dryches	VD-28454-17	0,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
19	293	Eperison HCl	Ryzonal	VD-27451-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
20	298	Eprazinon	Ezaltux	VD-22320-15	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
21	317	Simvastatin; Ezetimibe	Silvasten	VD-28922-18	20mg, 10mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
22	350	Gabapentin	Neubatel	VD-28921-18	300mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
23	370	Glinepirid	Flodilan-2	VD-28457-17	2mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
24	399	Imidapril HCl	Wright	VD-20530-14	5mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSM T	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25	412	Irbesartan	Hatlop-300	VD-27441-17	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
26	509	Mirtazapine	Jewell	VD-28466-17	30mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
27	519	Nabumeton	Coxtone	VD-28718-18	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ (PVC - Nhôm) x 10 viên; 10 vỉ (PVC - Nhôm) x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
28	549	Montelukast (dưới dạng montelukast natri)	Derdiyok	VD-22319-15	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
29	584	Olanzapin	Zapnex-10	VD-27456-17	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
30	646	Pregabalin	Davyca	VD-28902-18	75mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 14 viên; hộp 6 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
31	657	Pyridostigmin bromid	Lambertu	VD-21059-14	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
32	659	Rabepazol natri	Martaz	VD-26500-17	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
33	669	Repaglinid	Eurolux-1	VD-28906-18	1mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
34	692	Salmeterol xinafoate 5,808mg, Fluticason propionat 40mg (tương đương 120 liều hít x 25mcg salmeterol + 250mcg fluticason propionat)	Combivave SF 250	VN-18898-15	25mcg + 250mcg	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hộp 1 bình 120 liều	Dạng hít	Bình xịt	Glennark Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
35	723	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	Telsar-H 40/12.5	VN-22528-20	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	ĐẠT
36	752	Trimebutin maleat	Tributel	VD-22324-15	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			27									
Nhóm 3												
37	490	Mebeverin HCL	Mebever MR 200mg Capsules	VN-10704-10	200mg	viên nang phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Geitz Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
Nhóm 4												
38	158	Mỗi tuýp 30g chứa: Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrat)	Trozimed	VD-28486-17	1,5mg (50mcg/g)	Pomade bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT

74/181

20/1/2024

74/181

74/181

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
39	237	Mỗi tuýp (10 g) chứa: Clobetasol propionat	Knevae	VD-32811-19	0,05%	Kem	Hộp 1 tuýp 10g	Kem bôi ngoài da	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
40	392	Mỗi gói 10g chứa: Guaiazulen; Dimethicon	Gebhart	VD-27437-17	4mg; 3000mg	Gel uống	Hộp 30 gói x 10g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
41	518	Mỗi tuýp 5g chứa: Mupirocin	Tropeal	VD-28485-17	100mg	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
42	660	Rabeprazol natri	Martaz	VD-26500-17	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
43	721	Tacrolimus	Thuốc mỡ Tacropic	VD-20364-13	10mg/10g	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 10g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
Nhóm 5			TỔNG CỘNG		6							

44	661	Rabeprazol natri	Martaz	VD-26500-17	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG		1							

43	TỔNG CỘNG											
CÔNG TY TNHH HỒNG PHÚC BẢO												
Nhóm 4												

20/01/2020

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	801	Zopiclon	ZOPIBOSTON	VD-31611-19	7,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Boston	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	1									
41 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG THỊNH												
1												
Nhóm 1												
1	87	Ampicilin + subactam	Amn-Power	VN-19857-16	1g + 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	tiêm/ truyền	lọ	S.C.Antibiotice S.A.	Rumani	ĐẠT
2	366	Gliclazid	Gliclada 60mg modified - release tablets	VN-21712-19	60mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	2									
Nhóm 2												
3	201	Cefoperazon	Cefopofast 2000	VD-35038-21	2g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ	tiêm/ truyền	lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	ĐẠT
4	461	Linezolid*	Linod	VN-14446-12	600mg /300ml	dịch truyền	Túi chứa 1 lọ 300ml	Truyền tĩnh mạch	Túi/lọ	Ahlcon Parenterals (I) Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	2									
Nhóm 3												
5	196	Cefixim	LOTRIAL S-200	VD-22711-15	200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10, 14, 20 gói x 3g	Uống	gói	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	ĐẠT
6	351	Gabapentin	Gacnero	VD-26056-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	2									
Nhóm 4												

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	18	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Clopias	VD-28622-17	100mg + 75mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	ĐẠT
8	54	Amikacin	Itamekacin 1000	VD-28606-17	1g/4ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống x 4ml	tiêm/ truyền	ống	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Mediac Pharma Italy	Việt Nam	ĐẠT
9	142	Calci carbonat	Calcichew	VD-32869-19	1250mg	Viên nén	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	ĐẠT
10	157	Calci lactat	Calsfull	VD-28746-18	500mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	ĐẠT
11	171	Carbocistein	Xalermus 250	VD-34273-20	250mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 1,5g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	ĐẠT
12	272	Diosmin	Biviven	VD-31013-18	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
13	310	Etodolac	Bizuca	VD-29360-18	300mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đông Nam	Việt Nam	ĐẠT
14	321	Famotidin	A.T Famotidine 40 inj	VD-24728-16	40mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 3 lọ, hộp 5 lọ x 5ml	tiêm truyền	lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT

ký
20/04/2021

STT	STT trong HSM1	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	345	Fluvastatin	Miltive	VD-35566-22	20mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	ĐẠT
16	453	Levosulpirid	Xuthapirid	VD-34890-20	25mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	ĐẠT
17	505	Miconazol	Nysiod-M	VD-30767-18	200mg	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 01 vỉ x 10 viên	Đặt âm đạo	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	ĐẠT
18	637	Povidon iodin	Povidone Iodine 10%	VD-32971-19	10 %, Chai 330ml	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 chai 330ml	Dùng ngoài	Hộp/ chai	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	ĐẠT
19	703	Stiaglipitin	Bividia 50	VD-33065-19	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
20	704	Stiaglipitin	Bividia 25	VD-35886-22	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG					14							
TỔNG CỘNG					20							
45 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HƯNG THỊNH												
Nhóm 2												
1	40	Alfuzosin hydrochloride	Prolifo	VN-23223-22	10mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gracure Pharmaceuticals Ltd	India	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	359	Gemfibrozil	SaVi Gemfibrozil 600	VD-28033-17	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	2								

-46

TỔNG CỘNG

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Nhóm 2

1	81	Amoxicilin + acid clavulanic	Clamimat 600	VD-31711-19	500mg + 100mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 600mg	Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
2	84	Amoxicilin + acid clavulanic	Lanam SC 400mg/57mg	VD-32520-19	400mg + 57 mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1,6g	Uống	Gói	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	ĐẠT
3	85	Amoxicilin + sulbactam	Bactamox 1,5g	VD-28647-17	1g + 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
4	89	Ampicilin + sulbactam	Nerusin 750	VD-26160-17	500mg + 250mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	4								

79/181

22/11/2017

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

4

47 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP

Nhóm 1

1	761	Acid ursodeoxycholic	Ursobil	VN-20260-17	300mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	ABC Pharmaceutici S.P.A	Italy	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	1									

TỔNG CỘNG

1

48 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM IVY

Nhóm 4

1	487	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Janpetine	VD-28986-18	600mg + 599,8mg + 60mg/10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml hỗn dịch uống	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	ĐẠT
2	579	Nystatin + neomycin + polymyxin B	Valveyno	VD-25203-16	100,000 IU + 35,000 IU + 35,000 IU	Viên đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 10 viên nang mềm đặt âm đạo	Đặt âm đạo	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	ĐẠT
3	783	Vitamin B1 + B6 + B12	3B-Medi	VD-22915-15	125mg + 125mg + 250mcg	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	3									

TỔNG CỘNG

3

49 CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY

Nhóm 1



STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	278	Donepezil	Hania	VN-21771-19	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Help S. A	Greece	ĐẠT
2	448	Levofloxacin	Levogolds	VN-18523-14	750mg/150 ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi nhôm chứa 1 túi truyền PVC chứa 150 ml dung dịch truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	Túi	InfoRLife SA.	Switzerland	ĐẠT
3	449	Levofloxacin	Goldvoxin	VN-19111-15	250mg/50 ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 túi nhôm x 1 túi truyền PVC 50ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	InfoRLife SA.	Switzerland	ĐẠT
4	588	Pantoprazol	Panto-denk 20	VN-19143-15	20mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 14 Viên	Uống	Viên	Advance Pharma GmbH	Germany	ĐẠT
5	716	Sucralfat	Sucrate gel	VN-13767-11	1g/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 30 túi 5ml	Uống	Túi	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Italy	ĐẠT
TỔNG CỘNG			5									

Nhóm 2

2/20/2017

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	350	Gabapentin	Gabacure	VN-21740-19	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												

Nhóm 3												
7	210	Cefpodoxim	Cepmaxlox 100	VD-31674-19	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
8	420	Isosorbid	Vasotrate-30 OD	VN-12691-11	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Hộp lớn chứa 2 hộp nhỏ x 2 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	India	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
2												

Nhóm 4												
9	579	Nystatin + neomycin + polymyxin B	Vaginarpoly	VD-16740-12	100.000 IU + 35.000 IU + 35.000IU	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 2 vỉ x 6 viên nang mềm	Đặt âm đạo	Viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
TỔNG CỘNG												
9												

50 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA

Nhóm 4												
1	42	Alpha chymotrypsin	Katrypsin	VD-18964-13	21 microkatal	Viên nén	Hộp 15 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
2	59	Amiripitylin hydroclorid	Amiripitylin	VD-26865-17	25mg	Viên nén bao phim	Chai 500 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT

2008/01/11

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	119	Betahistidin	Betahistidin	VD-34690-20	16mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 25 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
4	131	Bisoprolol	Bisoprolol	VD-22474-15	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
5	156	Calcil lactat	Calcium	VD-33457-19	300mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
6	228	Cetirizin	Kacerin	VD-19387-13	10mg	Viên nén	Chai 1000 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
7	229	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Chlorpheniramin 4mg	VD-34186-20	4mg	Viên nén	Chai 1000 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
8	239	Clorpromazin	Clorpromazin	VD-34691-20	25mg	Viên nén bao phim	Chai 500 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
9	248	Desloratadin	Desloratadin	VD-25193-16	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
10	255	Dexchlorpheniramin	Dexchlorpheniramin Blue	VD-33995-20	2mg	Viên nén	Chai 1000 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
11	259	Diaceirin	Cytan	VD-17177-12	50mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
12	331	Fexofenadin	Fefasdin 60	VD-26174-17	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
13	334	Fexofenadin	Fefasdin 120	VD-22476-15	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT

Ngày 29/01/2024

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
14	336	Fexofenadin	Fexadin 180	VD-32849-19	180mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
15	378	Glucosamin	Glucosamin	VD-31739-19	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
16	447	Levocetirizin	Cianzen	VD-28970-18	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
17	610	Perindopril	Perindopril 4	VD-34695-20	4mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
18	625	Phenobarbital	Phenobarbital	VD-26868-17	100mg	Viên nén	Chai 100 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
19	660	Rabeprazol	Rabeprazol 20mg	VD-35672-22	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
20	675	Rotundin	Rotundin 30	VD-22913-15	30mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
21	676	Rotundin	Rotundin 60	VD-20224-13	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
22	677	Roxithromycin	Ruxic	VD-31745-19	150mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
23	724	Telmisartan + hydrochlorothiazid	PRUNITIL	VD-35733-22	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT




STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
24	728	Tenoxicam	Tenoxicam	VD-31748-19	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
25	733	Thiocolchicosid	Lucitromyl 4mg	VD-35017-21	4mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
26	750	Trihexyphenidyl hydroclorid	Trihexyphenidyl	VD-30410-18	2mg	Viên nén	Chai 500 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
27	780	Vitamin B1	Vitamin B1	VD-26869-17	250mg	Viên nén	Chai 200 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
28	787	Vitamin B6	Vitamin B6	VD-27923-17	250mg	Viên nén bao phim	Chai 200 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
29	790	Vitamin B6 + magnesi lactat	Magnesi-B6	VD-23583-15	5mg + 470mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
30	799	Vitamin PP	Vitamin PP	VD-31750-19	500mg	Viên nén bao phim	Chai 200 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
31	802	Amlodipin	Kavadin 5	VD-20761-14	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
32	807	Clopidogrel	Tunadimet	VD-27922-17	75mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
33	809	Losartan	Losartan	VD-22912-15	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
34	810	Meloxicam	Meloxicam	VD-31741-19	7,5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
35	814	Omeprazol	Kagastine	VD-33461-19	20mg	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
36	821	Telmisartan	Telmisartan	VD-35197-21	40mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		36								

Nhóm 5												
37	661	Rabeprazol	Rabeprazol 20mg	VD-35672-22	20mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		1								

51 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM PHARMA

TỔNG CỘNG 37

Nhóm 4												
1	111	Bambuterol	Bambuterol 10-US	VD-33027-19	10mg	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CTY CP US Pharma USA	Việt Nam	ĐẠT
2	237	Clobetasol propionat	Betaclo	VD-28626-17	0,05%	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	Dùng ngoài	Tuýp	CTY CP US PHARMA USA	Việt Nam	ĐẠT
3	332	Fexofenadin	Fexofenadin 60-US	VD-29568-18	60mg	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CTY CP US PHARMA USA	Việt Nam	ĐẠT
4	533	Natri clorid	Natri Clorid 0,9%	VD-32457-19	0,9% 100ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Túi 100ml; thùng 24 túi	Truyền tĩnh mạch	Túi	CTY TNHH DP ALLOMED	Việt Nam	ĐẠT

22/04/2024
MMV
Ug

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	585	Olanzapin	Ozanta	VD-34846-20	10mg	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CTY CP US PHARMA USA	Việt Nam	ĐẠT
6	816	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml	VD-33956-19	1000mg/100ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Túi 100ml; Thùng 48 túi	Truyền tĩnh mạch	Túi	CTY TNHH DP ALLOMED	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				6								
Nhóm 5												
7	672	Ringer lactat	Lactated Ringer's	VD-33122-19	500ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Túi 500ml; Thùng 20 túi	Truyền tĩnh mạch	Túi	CTY TNHH DP ALLOMED	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
TỔNG CỘNG				7								
52 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM PHÚC												
Nhóm 1												
1	722	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Actelsar HCT 40mg/12,5mg	VN-21654-19	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Actavis Ltd.	Malta	ĐẠT
2	754	Trimetazidine dihydrochloride	Trimpol MR	VN-19729-16	35mg	Viên nén giải phóng chậm	Hộp 6 vỉ * 10 viên	Uống	Viên	Polfarmex S.A	Poland	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								
Nhóm 3												
3	400	Imidapril HCl	Idatril 5mg	VD-18550-13	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ * 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
Nhóm 4												

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	113	Benazepril hydroclorid	Hezepril 5	VD-24222-16	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi *	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
5	326	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrat micronised)	Fenbrat 160m	VD-32000-19	160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi *	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	ĐẠT
6	613	Perindopril arginin	A.T Perindopril 5	VD-26747-17	5mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
7	703	Sitagliptin phosphat monohydrat tương đương Sitagliptin	Mebisita 50	VD-35053-21	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Việt Nam	ĐẠT
8	813	Metformin hydroclorid	Glucocast 500	VD-32001-19	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi *	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				5								
TỔNG CỘNG				8								
S3 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LẠC VIỆT												
Nhóm 1												
1	760	Ursodeoxycholic acid	Ursochol 250mg	VN-22135-19	250mg	Viên nang cứng	Hộp 50 viên	Uống	Viên	ABC Farmaceutici S.P.A	Italy	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
TỔNG CỘNG				1								
S4 CÔNG TY TNHH PHẦN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ												
Nhóm 2												

20/07/2017

Ng

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	40	Alfuzosin hydroclorid	Alsiful S.R. Tablets 10mg	VN-22539-20	10mg	Viên nén phồng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	2nd Plant, Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	ĐẠT
2	52	Ambroxol HCl	Ambroxol HCl Tablets 30mg	VN-21346-18	30mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	ĐẠT
3	563	Nicorandil	Nicomen Tablets 5mg	VN-22197-19	5mg	Viên nén	Hộp 1 túi nhôm x 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	ĐẠT
4	669	Repaglinide	Relinide Tablets 1mg "Standard"	VN-21347-18	1mg	Viên nén	Hộp 8 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	4								

TỔNG CỘNG

4

CÔNG TY TNHH LYNH FARMA

55

Nhóm 1

1	22	Aciclovir	Aceralgin 400mg	GC-315-19	400mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	ĐẠT
2	766	Valsartan	Angioblock 80mg	GC-341-21	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	2								

Nhóm 4

3	699	Sắt (dưới dạng sắt sucrose 1710mg)	Antifix	VD-27794-17	100mg/5ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm truyền	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
---	-----	------------------------------------	---------	-------------	-----------	---	------------------	-------------	-----	------------------------------------	----------	-----

89/181

10/11/2023

STT	STT trong HSMT	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		TỔNG CỘNG	1									

TỔNG CỘNG

3

56 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DUY LỊCH MÂY VÀNG

Nhóm 2

1	428	Postasium Iodide; sodium iodide Drops	Eyaren Ophthalmic Drops	VN-10546-10 (Công văn gia hạn: DUY TRÌ HIỆU LỰC GĐKLH: 9364/QLD-DK, 23/09/2022)	30mg, 30mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Nhỏ mắt	Lọ	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	ĐẠT
2	451	Levofloxacin hydrat	Eylevox ophthalmic Solution	VN-22538-20	5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	ĐẠT
3	543	Natri hyaluronat	Eyal-Q Ophthalmic solution	VN-21125-18	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	3									

Nhóm 5

4	429	Postasium Iodide; sodium iodide Drops	Eyaren Ophthalmic Drops	VN-10546-10 (Công văn gia hạn: DUY TRÌ HIỆU LỰC GĐKLH: 9364/QLD-DK, 23/09/2022)	30mg, 30mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Nhỏ mắt	Lọ	Samil Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									
		TỔNG CỘNG	4									

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE

Nhóm 4

1	113	Benazepril hydroclorid	Devasco 5	VD-30431-18	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
2	272	Diosmin	Restiva	VD-26892-17	600mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
3	643	Pravastatin	Posisva 40	VD-29793-18	40mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
										3		

TỔNG CỘNG

3

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Nhóm 4

1	257	Dexpanthenol	Panthenol	VD-26394-17	5%-20g	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	ĐẠT
2	610	Perindopril	Perindopril 4	VD-35412-21	4mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	ĐẠT
3	689	Betamethason dipropionat + Acid salicylic	Betasalic	VD-30028-18	(6,4mg + 300mg)/10 g	Mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	ĐẠT
4	781	Vitamin B1 + B6 + B12	Medtrivit - B	VD-33345-19	125mg + 125mg + 125mcg	Viên nén bao phim	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	ĐẠT
5	790	Vitamin B6 + magnesi lactat	Magnesi B6	VD-30758-18	5mg + 470mg	Viên nén bao phim	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	ĐẠT
6	820	Rosuvastatin	Rosuvastatin 20	VD-35416-21	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Medipharco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
										6		

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

TỔNG CỘNG

6

59

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Nhóm 3

1	221	Cetuxim	Quincef 125	VD-18466-13 (Công văn gia hạn: (KÈM CV 6942/QLD-DK, 20/07/2022))	125mg	Thuốc bột	Hộp 10 gói 3,8g	Uống	Gói	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG										
		1										

Nhóm 4

2	228	Cetirizin dihydrochlorid	Mekozitex 10	VD-33743-19 (Công văn gia hạn: (KÈM CV 8296/QLD-DK, 14/07/2021))	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
3	258	Dextromethorphan HBr	Rodilar	VD-32152-19	15mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
4	383	Dextrose khan	Dextrose 20%	VD-20316-13 (KÈM CV 4781/QLD-DK, 02/06/2022)	50g/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
5	384	Glucose monohydrat tương đương glucose khan	Dextrose 30%	VD-21715-14 (KÈM CV 4781/QLD-DK, 02/06/2022)	0,3g/ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
6	529	Natri clorid	Nasospray	VD-23188-15 (Công văn gia hạn: (KÈM CV 4781/QLD-DK, 02/06/2022))	450mg/50 ml	Thuốc xịt mũi	Hộp 1 chai 70ml	Xịt mũi	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
7	533	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9%	VD-24415-16 (KÈM CV 11647/QLD- DK, 27/07/2020 VÀ CV 4781/QLD-DK, 02/06/2022)	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml đóng trong chai có dung tích 250ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT

92/181

ng

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	535	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9%	VD-24415-16 (Công văn gia hạn: (KÈM CV 4781/QLD-ĐK, 02/06/2022))	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
9	576	Metronidazol; Neomycin sulfat; Nystatin	Neo-Gynoterman	VD-28709-18	500mg; 65.000IU; 100.000IU	Viên nén đặt phụ khoa	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên nén đặt phụ khoa	Viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
10	601	Paracetamol; Chlorpheniramin maleat	Paracold 150 Flu	VD-26380-17 (KÈM CV 4781/QLD-ĐK, 02/06/2022)	Mỗi gói 1,5g chứa: Paracetamol 150mg, Chlorpheniramin maleat 1mg	Thuốc bột sủi bọt	Hộp 24 gói 1,5g	Uống	Gói	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
11	604	Paracetamol, Codein phosphat	Paracold codein effervescent	VD-29331-18	500mg, 30mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
12	707	Sorbitol	Sorbitol 3,3%	VD-30686-18	33g/1000ml	Dung dịch rửa vết khuẩn	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
13	793	Acid ascorbic (dưới dạng natri ascorbat)	Cesyrup	VD-20314-13 (KÈM CV 4781/QLD-ĐK, 02/06/2022)	600mg/30ml	Sirô	Hộp 20 gói x 5ml	Uống	Gói	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
14	834	Glucose monohydrat tương đương Glucose khan	Glucose 5%	VD-16339-12 (KÈM CV 4781/QLD-ĐK, 02/06/2022)	5%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT
Nhóm 5			TỔNG CỘNG		13							

6/2/2023 MN

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	28	L-Isoleucin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Threonin; L-Valin; L-Phenylalanin; L-Methionin; L-Leucin; Glycin; L-Arginin hydrochlorid; L-Histidin hydrochlorid monohydrat; Xylitol	Mekocamin S 5%	VD-25369-16 (KEM CV 6942/QLD-DK, 20/07/2022) (Cộng văn gia hạn: (KEM CV 6942/QLD-DK, 20/07/2022))	Mỗi chai 250ml chứa: L-Isoleucin 750mg; L-Lysin HCl 3075mg; L-Tryptophan 250mg; L-Threonin 750mg; L-Valin 825mg; L-Phenylalanin 1200mg; L-Methionin 1000mg; L-Leucin 1700mg; Glycin 1425mg; L-Arginin hydrochlorid 1125mg; L-Histidin hydrochlorid monohydrat 550mg; Xylitol 12500mg	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần Hòa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	ĐẠT

94/181



STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG 15												
60 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META												
Nhóm 2												
1	752	Trimebutin maleat	Arthur	VD-17746-12	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
Nhóm 4												
2	788	Vitamin B6 + magnesi lactat	Obibebe	VD-21297-14	5mg + 470 mg. ống 10ml	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG 2												
61 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DẪN												
Nhóm 3												
1	198	Cefixim	Cefixime 50mg	VD-32525-19	50mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 1,4g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
2	221	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg	VD-23598-15	125mg	Bột pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 3,5g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
3	222	Cefuroxim	Cefuroxime 125mg/5ml	VD-29006-18	125mg/ 5ml, 40g/ 60ml	Bột pha hỗn dịch	Hộp 1 lọ 40g bột pha 60ml hỗn dịch	Uống	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									
Nhóm 4												
4	21	Aciclovir	Aciclovir 200mg	VD-22934-15	200mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	70	Amoxicilin	Amoxicilin 250mg	VD-18308-13	250mg	Bột pha hỗn dịch	Hộp 12 gói x 1,4g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
6	71	Amoxicilin	Midamox 1000	VD-21867-14	1g	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
7	76	Amoxicilin + acid clavulanic	Midagentin 250/31,25	VD-22488-15	250mg + 31,25mg	Bột pha hỗn dịch	Hộp 12 gói x 1,5g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
8	77	Amoxicilin + acid clavulanic	Midagentin 250/62,5	VD-24800-16	250mg + 62,5mg	Bột pha hỗn dịch	Hộp 12 gói x 3,5g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
9	88	Ampicilin + subactam	Semitram 1g/0,5g	VD-34944-21	1g + 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
10	178	Cefaclor	Cefaclor 125mg	VD-21657-14	125mg	Bột pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 1,4g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
11	182	Cefaclor	Miclado 500	VD-19900-13	500mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
12	190	Cefdinir	Cefdinir 125mg	VD-24795-16	125mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 2,6g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
13	197	Cefixim	Cefixime 100mg	VD-32524-19	100mg	Thuốc có pha hỗn dịch	Hộp 10 gói x 1,4g	Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
14	204	Cefotaxim	Cefotaxime 0,5g	VD-22937-15	0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
15	220	Cefuroxim	Cefuroxime 1g	VD-29007-18	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
16	253	Dexamethason phosphat	Dexamethason	VD-25716-16	4mg/ 1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
17	259	Diacerein	Diacerein 50mg	VD-29797-18	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
18	515	Moxifloxacin	Moxifloxacin 0,5%	VD-27953-17	25mg/ 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
19	626	Phytomenadion	Vitamin K1 10mg/1ml	VD-25217-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
20	628	Piperacilin (dạng piperacilin natri)	Piperacilin 1g	VD-26908-17	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
21	633	Piracetam	Piracetam 3g/15ml	VD-34718-20	3g/15ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 15ml	Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
22	666	Ramipril	Ramipril 2,5mg	VD-31783-19	2,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
23	769	Valsartan + hydrochlorothiazid	Midatoren 160/12,5	VD-26191-17	160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
24	770	Valsartan + hydrochlorothiazid	Midatoren 160/25	VD-31780-19	160mg + 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
25	776	Vinpocetin	Vinpocetine 10mg/2ml	VD-30441-18	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
26	792	Acid ascorbic	Vitamin C 500mg/5ml	VD-25216-16	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
27	800	Nicotinamid	Vitamin PP 50mg	VD-25218-16	50mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
28	804	Amoxicicilin + acid clavulanic	Midatan 500/125	VD-22188-15	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 07 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
29	805	Amoxicicilin + acid clavulanic	Midantin 875/125	VD-25214-16	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			26									

29
TỔNG CỘNG

62
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH HIẾN

Nhóm 1

1	79	Amoxicicilin + acid clavulanic	Medoclav 375mg	VN-15087-12	250mg + 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Medochemie Ltd - Factory B	Cyprus	ĐẠT
97/181												

10/11/2021

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	218	Ceftriaxon	Burometan 2g	VN-19328-15	2g	Bột pha tiêm	Hộp 25 lọ	Tiêm	Lọ	Panpharma	France	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
2												
Nhóm 2												
3	207	Cefoxitin	Cefoxitin Panpharma 2g	VN-21111-18	2g	Bột pha tiêm	Hộp 25 lọ (lọ 17ml chứa 2g cefoxitin)	Tiêm	Lọ	Panpharma	France	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
Nhóm 4												
4	815	Omeprazol	Omepramed 40	VD-30869-18	40mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ,	Tiêm	Lọ	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Mediac Pharma Italy	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
TỔNG CỘNG												
4												
63												
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH TÍN												
Nhóm 4												
1	308	Etodolac	Miltilear 300	VD-34925-20	300mg	Viên nang cứng	Hộp 06 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	ĐẠT
2	375	Glipizid	Miltipizid 5mg	VD-35325-21	5mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	498	Paracetamol + methocarbamol	Mitidoll	VD-35615-22	300mg + 380mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									

64 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRI 3

Nhóm 1

1	225	Cetirizin	Bluecezine	VN-20660-17 (Công văn gia hạn: CÓ CÔNG VĂN GIA HẠN VISA ĐẾN 31/12/2022)	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Bluepharma Industria Farmaceutica S.A	Bồ Đào Nha	ĐẠT
2	267	Diltiazem	Eurozitem 60 mg	VN-16697-13 (Công văn gia hạn: CÓ CÔNG VĂN GIA HẠN VISA 12 THÁNG ĐẾN NGÀY 31/12/2022)	60mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	S.C.Arena Group S.A	Romania	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

Nhóm 2

3	150	Calci gluconat	Growpone 10%	VN-16410-13 (Công văn gia hạn: CÓ CÔNG VĂN GIA HẠN VISA TỪ 01/04/2022 ĐẾN 01/04/2023)	10% 10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống	Tiêm	Ống	Farnak JSC	Ukraine	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

65 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MƯỜI THÁNG BA 3

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 1

1	61	Amlodipine	Aldan Tablets 10mg	VN-15792-12 (Công văn gia hạn: (GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022, SỐ CV: 4781/QLD-BK, NGÀY 02/06/2022))	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Polfarmex S.A	Poland	ĐẠT
2	418	Isosorbid dinitrat	Nadecin 10mg	VN-17014-13 (Công văn gia hạn: (GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022, SỐ CV: 4781/QLD-BK, NGÀY 02/06/2022))	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	S.C. Arena Group S.A	Romania	ĐẠT
3	766	Valsartan	Valsacard	VN-17145-13 (Công văn gia hạn: (GIA HẠN ĐẾN 31/12/2022, CV SỐ: 4781/QLD-BK, NGÀY 02/06/2022))	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Polfarmex S.A	Poland	ĐẠT
			TỔNG CỘNG			3						

Nhóm 2

4	499	Paracetamol + methocarbamol	SaViMetoc	VD-30501-18	325mg + 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG			1						
			TỔNG CỘNG			4						

66

CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM

Nhóm 1

[Signature]

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	174	Carvedilol	Karvidil 6,25mg	VN-22553-20	6,25mg	viên	Hộp 02 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	JSC "Grindeks"	Latvia	ĐẠT
Nhóm 2												
		TỔNG CỘNG		1								
2	298	Eprazinon	Savi Eprazinone 50	VD-21352-14 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN 4781/QLD-ĐK, 02/06/2022))	50mg	viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	ĐẠT
3	640	Pravastatin	Fasthan 20	VD-28021-17 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN 6942/QLD-ĐK, 20/07/2022))	20mg	viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		2								
Nhóm 4												
4	430	Kẽm gluconat	Faskit	VD-30383-18	70mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 30 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
5	440	Lactobacillus acidophilus	Andonbio	VD-20517-14 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN 4781/QLD-ĐK, 02/06/2022))	10 ⁸ CFU	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 50 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty liên doanh dược phẩm Mebipharm Austropharm	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		2								
		TỔNG CỘNG		5								
67 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NAM ĐỒNG												
Nhóm 1												
1	49	Ambroxol hydrochlorid	Drenoxol	VN-21986-19	30mg/10ml	Siro uống	Hộp 20 ống 10ml	Uống	Ống	Laboratórios Vitória, S.A	Bồ Đào Nha	ĐẠT

Key
M

STT	STT trong HSM/T	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	162	Candesartan cilexetil	Candesartan BluePharma	VN-20392-17	8mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Bluepharma-Industria Farmaceutica, S.A.(Fab.Coimbr a)	Bồ Đào Nha	ĐẠT
3	174	Carvedilol	Corvol 6,25mg	VN-18274-14	6,25mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	ĐẠT
4	443	Lansoprazol	Gastevin 30mg	VN-18275-14	30mg	Viên nang cứng	Hộp 14 viên	Uống	Viên	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	ĐẠT
TỔNG CỘNG				4								
TỔNG CỘNG				4								

68

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ												
TỔNG CỘNG												
TỔNG CỘNG												

Nhóm 1

1	407	Insulin người tacc dùng trung bình, trung gian	SCILIN N	QL.SP-850-15	100UI/mlx 10ml	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Hộp 01 lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Bioton S.A	Poland	ĐẠT
2	408	Insulin người tòn, hỗn hợp	SCILIN M30 (30/70)	QL.SP-0648-13	(30/70) 40UI/ml 10ml	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Hộp 01 lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Bioton S.A	Poland	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								

Nhóm 2

3	578	Nystatin +Neomycin +Polymyxin B	Vigisup Susp. Soft Capsule	VN-21302-18	100.000IU +35.000IU +35.000IU	Viên dặt âm đạo	Hộp 2 vỉ x 6 viên	Đặt âm đạo	Viên	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
TỔNG CỘNG				3								

69

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM HÀN

Nhóm 2

102/181

102/181

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	339	Flunarizin	Sarariz Cap.	VN-22208-19	5mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kyung Dong Pharm Co., Ltd.	Hàn Quốc	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

70 TONG CỘNG 1
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG

Nhóm 2

1	46	Ambroxol hydrochlorid	Olesom	VN-22154-19	30mg/5ml	Siro	Hộp 1 chai 100ml	Uống	Chai	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	ĐẠT
2	463	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	Auroliza 30	VN-22716-21	30mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Aurobindo Pharma Ltd.	India	ĐẠT
3	725	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	Telma 80H	VN-22152-19	80mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp lớn x 10 hộp nhỏ x 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India	ĐẠT
4	768	Valsartan + Hydrochlorothiazid	Valcicek H2	VN-20012-16	160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd - Unit II	India	ĐẠT
TỔNG CỘNG			4									

Nhóm 3

5	818	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Carhurol 10	VD-31018-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
6	819	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Carhurol 20	VD-31019-18	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

Nhóm 4

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	233	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin lactat)	Basmicin 200	VD-19469-13	200mg/20ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												

Nhóm 5												
8	700	Sinethicon	Flabiivi	VD-27681-17	20 mg/0,3ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 15ml (chai thủy tinh màu nâu kèm ống đo thể tích)	Uống	chai	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
TỔNG CỘNG												
8												

71												
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT												

Nhóm 2												
1	428	Kali iodid + natri iodid	Posod eye drops	VN-18428-14	(3mg + 3mg)/1ml. Lọ 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Nhỏ mắt	Lọ	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	ĐẠT
2	451	Levofloxacin	Philevomels eye drops	VN-11257-10	5mg/ml x 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	ĐẠT
3	543	Natri hyaluronat	Hameron eye drops	VN-15585-12	1mg/ml. Lọ 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Samchundang Pharmaceutical Co., Ltd	Hàn Quốc	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												

Nhóm 5												
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	429	Kali iodid + natri iodid	Posod eye drops	VN-18428-14	(3mg + 3mg)/1ml. Lọ 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Nhỏ mắt	Lọ	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

TỔNG CỘNG

4

72

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN

Nhóm 1

1	460	Linezolid*	Lichaunox	VN-21245-18	2mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi nhựa 300ml	Tiêm truyền	Túi nhựa	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

TỔNG CỘNG

1

73

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NGÂN LỘC

Nhóm 1

1	414	Irbesartan + hydrochlorothiazid	Irbefort Plus	VN-22500-20	150mg + 12,5mg	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	One Pharma	Hý Lạp	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

TỔNG CỘNG

1

74

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA

Nhóm 2

1	1	Acarbose	SaVi Acarbose 100	VD-24268-16	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
2	282	Drotaverin elohydrat	Ramasav	VD-25771-16	40mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT

2/10/2021 VM

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	713	Spiroglacton	Entacron 50	VD-25262-16	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												

Nhóm 4

4	48	Ambroxol	Amxolpect 15mg	VD-32315-19	15mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
5	138	Bromhexin hydroclorid	Bromhexine A.T	VD-25652-16	4mg/ 5ml	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
6	246	Desloratadin	Deslomeyer	VD-32323-19	2,5mg/5ml; Ống 5ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
7	256	Dextibuprofen	Meyerdefen	VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
8	290	Enalapril + hydrochlorothiazid	Meyernazid	VD-34421-20	10mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
9	337	Flavoxat	Meyerflavo	VD-32331-19	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
10	547	Natri montelukast	Meyertukast 5	VD-27414-17	5mg	Viên nén nhai	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
11	641	Pravastatin	Myavastin 20	VD-34424-20	20mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT
12	703	Staglipitin	Meyersilipitin 50	VD-27415-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
			TỔNG CỘNG	9								

TỔNG CỘNG 12												
75	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA											

Nhóm 4												
1	635	Piracetam	Ulcogen 800mg	VD-25548-16	800mg/8ml	Dung dịch uống	Hộp 4 vi x 5 ống nhựa	Uống	Ống	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG	1								

TỔNG CỘNG 1												
76	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH											

Nhóm 1												
1	41	Allopurinol	Sadapron 100	VN-20971-18	100mg	Viên nén	Hộp/05 vi x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT
2	108	Baclofen	Bamifen	VN-22356-19	10mg	Viên nén	Hộp/06 vi x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT
3	120	Betahistine dihydrochloride	Kernhistine 8mg Tablet	VN-20143-16 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN 6942/QLD-ĐK 20/07/2022))	8mg	Viên nén	Hộp/04 vi x 15 viên	Uống	Viên	Kern Pharma S.L.	Spain	ĐẠT
4	155	Calcium lactate pentahydrate BP	Calcium Lactate 300 Tablets	6573/QLD-KD (Công văn gia hạn: 12/05/2017)	300mg	Viên nén	Hộp/10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT
5	165	Candesartan cilexetil	Candekern 16mg Tablet	VN-20455-17 (Công văn gia hạn: (CV 4781/QLD-ĐK 02/06/2022))	16mg	Viên nén	Hộp/02 vi x 14 viên	Uống	Viên	Kern Pharma S.L.	Spain	ĐẠT
6	275	Domperidon	Domreme	VN-19608-16 (Công văn gia hạn: (CV 4781/QLD-ĐK 02/06/2022))	10mg	Viên nén bao phim	Hộp/10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT

Key
22/11/2021

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	527	Naproxen	Propain	VN-20710-17 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN 6942/QLD-DK 20/07/2022))	500mg	Viên nén	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT
8	582	Ofloxacin	Remecilox 200	VN-21229-18	200mg	Viên nén bao phim	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT
9	603	Paracetamol + Codeine phosphate (dưới dạng Codein phosphate hemihydrate)	Codalgin Forte	VN-22611-20	500mg + 30mg	Viên nén	Hộp/02 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Aspen Pharma Pty, Ltd	Australia	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		9								

Nhóm 3												
10	566	Nifedipine	Macorel	VN-15359-12 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN 3610/QLD-DK 10/04/2020))	30mg	Viên nén phòng thich kéo dài	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Valpharma S.p.A	San Marino	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		1								

TỔNG CỘNG 10

77 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NHẬT TIỀN

Nhóm 2												
1	91	Atorvastatin	CADITOR 40	VN-17286-13	40mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
2	370	Glimepirid	CADGLIM 2	VN-18179-14	2mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
3	372	Glimepirid	CADGLIM 4	VN-19024-15	4mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
4	465	Lisinopril	LISORIL - 10	VN-16797-13	10mg	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Ipsca Laboratories Ltd	Ấn Độ	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	723	Telmisartan + hydrochlorothiazid	TELI H	VN-17662-14	40mg + 12,5mg	Viên nén hai lớp	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
Nhóm 3												
6	64	Amlodipin + atorvastatin	AMDEPIN DUO	VN-20918-18	5mg + 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
Nhóm 4												
78 CÔNG TY CỔ PHẦN O2PHARM												
Nhóm 4												
1	191	Cefdinir	Hapudini	VD-32360-19	100mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 14 gói x 2,5g	Uống	Gói	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
2	246	Desloratadin	Setbozi	VD-29079-18	2,5mg/5ml, Ống 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	chai/lọ/túi/ống	Công ty CP Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	ĐẠT
3	488	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Gelactive Fort	VD- 32408-19	400mg + 300mg + 30mg	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 30 gói x 10ml	Uống	Gói	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
4	602	Paracetamol + chlorpheniramin	Nilcox Baby Fort 250/2mg	VD-22988-15	250mg + 2mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 20 gói x 2,5g	Uống	Gói	Công ty CP Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	622	Perindopril + indapamid	Venlormid 5/1,25	VD-28557-17	5mg + 1,25mg	viên	Hộp 01 vi x 30 viên; Hộp 03 vi x 30 viên; Hộp 05 vi x 30 viên; Hộp 10 vi x 30 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		5								
		TỔNG CỘNG		5								

79

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM

Nhóm 3

1	181	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	METINY	VD-27346-17	375mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Hộp 1 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
2	195	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	MECEFIX-B-E 75MG	VD-32695-19	75mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	Uống	Gói	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
3	214	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	CEBEST	VD-28340-17	50mg/1,5g	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1,5g	Uống	Gói	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
4	215	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	CEBEST	VD-28341-17	100mg/3g	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 3g	Uống	Gói	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		4								

Nhóm 4

5	140	Budesonid	BENITA	VD-23879-15	64mcg/0,05ml	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 120 liều	Xịt mũi	Lọ	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
---	-----	-----------	--------	-------------	--------------	------------------	-------------------	---------	----	---------------------------	----------	-----

110/181

STT	STT trong HSM T	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	348	Acid fusidic; Hydrocortison acetat	VEDANAL FORT	VD-27352-17	(100mg/5g; 50mg/5g) tuýp 10g	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10gam	Bôi ngoài da	Tuýp	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
7	395	Hydroxypropyl methylcellulose	SYSEYE	VD-25905-16	30mg/10ml (45mg/15ml) (0,3%)	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
8	554	Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat); Polymycin B sulfat; Dexamethason (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	MEPOLY	VD-21973-14	(35mg; 100.000IU; 10mg)/10ml	Dung dịch nhỏ mắt, tai	Hộp 1 lọ 10ml	Nhỏ mắt, tai	Lọ	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
9	586	Olopatadin (dưới dạng Olopatadin hydroclorid)	OLEVID	VD-27348-17	2mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG										5		

TỔNG CỘNG

9

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHẠM ANH

80

Nhóm 4

1	138	Bromhexin hydroclorid	APIHEXIN	VD-34617-20	4mg/5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	chai/lọ/túi/ống	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	ĐẠT
2	249	Desloratadin	PALOREX 5 ODT	VD-33137-19	5 mg	Viên hòa tan nhanh	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	ĐẠT
3	272	Diosmin	APIDIMIN 600	VD-35722-22	600mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	ĐẠT
4	277	Domperidon	APIDOM	VD-30933-18	5mg/5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 30 gói x 5ml	Uống	Gói	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	ĐẠT

111/181

Ngày 20/11/2021

STT	STT trong HSNMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

TỔNG CỘNG

4

TỔNG CỘNG

4

81

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PYN

Nhóm 4

1	50	Ambroxol	Amxolpect 30mg	VD-32316-19	30mg/ 5ml. Ống 5ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	chai/lo/túi/6 ng	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	DẠT
2	529	Natri clorid	Nasomom Clean&Clear	VD-25050-16	450mg/50 ml, chai 70ml	Thuốc xịt mũi	Hộp 1 chai 70ml	Xịt mũi	chai/lo/túi/6 ng	Công ty cổ phần dược Đồng Nai.	Việt Nam	DẠT
3	824	Amylase + lipase + protease	Pancreas	VD-25570-16	4080UI + 3400UI + 238UI	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharme)	Việt Nam	DẠT
		TỔNG CỘNG	3									
		TỔNG CỘNG	3									

TỔNG CỘNG

3

82

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Nhóm 2

1	179	Cefaclor	SCD Cefaclor 250mg	VD-26433-17	250mg	Viên nang	Hộp/2vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	DẠT
2	193	Cefdinir	Cefanir	VD-24957-16	300mg	Viên nang	Hộp/2vỉ x 4 viên nang cứng	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	DẠT
3	205	Cefotiam	Tiafo 1g	VD-28306-17	1g	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Hộp/ 1 lọ bột pha tiêm	Tiêm	chai/lo/túi/6 ng	Pymepharco	Việt Nam	DẠT

112/181

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	209	Cefpodoxim	Cepoxitil 100	VD-24432-16	100mg	viên	Hộp/1 vỉ/ 10 viên nén bao phim	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
5	212	Cefpodoxim	Cepoxitil 200	VD-24433-16	200mg	viên	Hộp/1 vỉ/ 10 viên nén bao phim	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												

Nhóm 3

6	90	Atenolol	Tenocar 100	VD-23231-15	100mg	viên	H/2 vỉ/15 viên nén	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
7	180	Cefaclor	Pyfador 250mg	VD-24449-16	250mg	Viên nang	Hộp/2vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
8	322	Felodipin	Flodicar 5mg MR	VD-26412-17	5mg	Viên giải phóng có kiểm soát	H/3 vỉ/10 viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
9	365	Glibenclamid + metformin	Glipeform 500/5	VD-34024-20	5mg + 500mg	viên	Hộp 2 vỉ x 15 viên nén bao phim	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
10	756	Trimetazidin	Vaspycar MR	VD-24455-16	35mg	Viên giải phóng có kiểm soát	H/2 vỉ/30 viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 4

11	172	Carbocistein	Carflem	VD-23201-15	375mg	Viên nang	H/03 vi/10 viên nang cứng	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
12	228	Cetirizin	Cetirizine EG 10 mg	VD-34963-21	10mg	viên	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
13	320	Famotidin	Faditac Inj	VD-28295-17	20mg x 2ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	H/5 lọ bột đông khô + 5 ống dung môi	Tiêm	chai/lọ/túi/ống	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
14	323	Felodipin	Flodifar 5mg MR	VD-26412-17	5mg	Viên giải phóng có kiểm soát	H/3 vi/10 viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
15	355	Galantamin	Galrenin 4mg	VD-27308-17	4mg	viên	H/1 vi/14 viên nén bao phim	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
16	424	Itraconazol	Trifungi	VD-24453-16	100mg	Viên nang	H/1 vi/4 viên nang	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT
17	757	Trimetazidin	Vaspycar MR	VD-24455-16	35mg	Viên giải phóng có kiểm soát	H/2 vi/30 viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Uống	Viên	Pymepharco	Việt Nam	ĐẠT

LMV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG			7									

83	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QDU											
TỔNG CỘNG			17									

Nhóm 1

1	663	Ramipril	Ramipril GP	VN-20202-16	5mg	Viên nang cứng	Hộp 8 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A	Portugal	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

Nhóm 2

2	567	Nimodipin	Mianifax Inj.	VN-22458-19	10mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm truyền	Lọ	Dae Han New Pharm Co., Ltd	Korea	ĐẠT
3	568	Nizatidin	Mizatatin Capsule	VN-19512-15	150mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Korea	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

84	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH											
TỔNG CỘNG			3									

Nhóm 1

1	117	Betahistin	Betahistine Bluepharma	VN-19442-15	16mg	viên nén	hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Catalent Germany Schorndorf GmbH (FAB Schorndorf)	Germany	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

Nhóm 2

2	474	Losartan + hydrochlorothiazid	PRESARTAN H 50	VN-18912-15	50mg + 12,5mg	viên nén bao phim	hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	viên	Ipca Laboratories Ltd	India	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

Nguyễn Văn

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

TỔNG CỘNG

2

85

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA

Nhóm 2

1	822	Acid amin*	Nephgold	VN-21299-18	5,4%/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng carton chứa 10 túi 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		1								

TỔNG CỘNG

1

86

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAGOPHAR

Nhóm 2

1	216	Cefprozoxim (dưới dạng Cefprozoxim natri)	CEFTIZOXIM 0,5G	VD-26843-17	500mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
2	244	Natri colistimethat tương đương 150mg Colistin hoạt tính	COMOPAS	VN-22030-19	150mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ilidong Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	ĐẠT
3	247	Desloratadin	SAVOZE	VD-28042-17	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
4	315	Ezetimibe	VASETIB	VD-25276-16	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	317	Simvastatin + Ezetimib	STAZEMID 20/10	VD-24279-16	20mg + 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
6	519	Nabumeton	SAMASOL	VD-30493-18	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
7	614	Perindopril erbumin	SAVIDOPRIL 8	VD-24274-16	8mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
8	735	Ticarcilin + acid Clavulanic	TICARLINAT 1,6G	VD-28958-18	1,5g + 0,1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
9	736	Ticarcilin + acid Clavulanic	TICARLINAT 3,2G	VD-28959-18	3g + 0,2g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG										9		

Nhóm 4

10	375	Glipizid	SAVI GLIPIZIDE 5	VD-29120-18	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
11	718	Mỗi gói 15g chứa: Sucralfat	SPM-SUCRALFAT 2000	VD-30103-18	2000mg	Hỗn dịch	Hộp 30 gói x 15g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần SPM	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG										2		

TỔNG CỘNG

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSNMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 2

1	109	Baclofen	Zamko 25	VD-30504-18	25mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
---	-----	----------	----------	-------------	------	----------	--------------------	------	------	--------------------------------	----------	-----

TỔNG CỘNG

1

Nhóm 4

2	38	Aescin	Aescin 20mg	VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	ĐẠT
---	----	--------	-------------	-------------	------	-------------------	--------------------	------	------	-------------------------------	----------	-----

TỔNG CỘNG

1

TỔNG CỘNG

2

88 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI

Nhóm 2

1	118	Betahistin dihydroclorid	SaVi Betahistine 16	VD-29836-18	16mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
2	175	Carvediol	SaVi Carvediol 6.25	VD-23654-15	6.25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
3	226	Cetirizin (dưới dạng Cetirizin dihydroclorid)	SaViCetiryl	VD-24853-16	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
4	293	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50	VD-21351-14	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	ĐẠT
5	329	Fexofenadin HCl	SaViFexo 60	VD-25775-16	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
6	333	Fexofenadin hydroclorid	Fexodinefast 120	VD-34225-20	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
7	370	Glimepirid	Savdiaride 2	VD-28029-17	2mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	372	Glimepirid	SaViPride 4	VD-24275-16	4mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
9	399	Imidapril hydroclorid	Imruvat 5	VD-33999-20	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
10	546	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	SaVi Montelukast 5	VD-28035-17	5mg	Viên nén nhai	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
11	755	Trimetazidin dihydroclorid	SaVi Trimetazidine 35MR	VD-32875-19	35mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 3												

12	128	Bisoprolol fumarat	SaViProlol 2,5	VD-24276-16	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
13	475	Losartan kali + Hydrochlorothiazid	SaVi Losartan plus HCT 50/12.5	VD-20810-14	50mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SaViPharm)	Việt Nam	ĐẠT
14	806	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat)	DogrelSaVi	VD-31847-19	75mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
15	818	Rosuvastatin	SaVi Rosuvastatin 10	VD-27050-17	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
16	819	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	Sterolow 20	VD-28044-17	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												

TỔNG CỘNG 16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SEAPHACO

89

Nhóm 4

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	492	Mecobalamin	Seacaminfort	VD-28798-18	1,500mcg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	ĐẠT
2	747	Tranexamic acid	Medisanin 250mg	VD-26346-17	250mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								

TỔNG CỘNG

2

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO

90

Nhóm 4

1	164	Candesartan	Cancelil	VD-21076-14 (Công văn gia hạn: (CÔNG VẤN GIA HẠN SDK ĐẾN NGÀY 31/12/2022))	8mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	ĐẠT
2	484	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Varogel S	VD-26519-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VẤN GIA HẠN SDK ĐẾN NGÀY 31/12/2022))	800,4mg + 611,76mg	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 20 gói 10ml	Uống	Gói	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	ĐẠT
3	485	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Varogel	VD-18848-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VẤN GIA HẠN SDK ĐẾN NGÀY 31/12/2022))	800,4mg + 400mg + 80mg	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 20 gói 10ml	Uống	Gói	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				3								

TỔNG CỘNG

3

CÔNG TY TNHH SOFACO

91

Nhóm 1

22/01/2024

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	174	Carvedilol	Cypdicar 6,25 Tablets	VN-18254-14	6,25mg	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	ĐẠT
Nhóm 4												
2	453	Levosulpirid	Letarid 25	VD-35903-22	25mg	viên nén	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
TỔNG CỘNG												
92 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG KHANH 2												
Nhóm 3												
1	647	Pregabalin	Ausvair 75	VD-30928-18	75mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
2	808	Esomeprazol	Nexipraz 40	VD-30318-18	40mg	viên	Hộp 5 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												
3	734	Thiocolchicosid	Minson 8mg	VD-32482-19	8mg	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
TỔNG CỘNG												
93 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SUN USA 3												
Nhóm 1												

Handwritten signature and initials.

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	202	Cefoperazon + subactam	Basultam	VN-18017-14 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022))	1g + 1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	Tiêm bắp, tĩnh mạch	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	DAT
TỔNG CỘNG					1							
TỔNG CỘNG					1							
94 CÔNG TY CỔ PHẦN SUNDIAL PHARMA												
Nhóm 4												
1	152	Calci glycerophosphat + magnesi gluconat	Notired Eff Orange	VD-24463-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN SỐ 6657E/QLD-DK NGÀY 22/4/2021 VỀ VIỆC DUY TRÌ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH))	456mg + 426mg	Viên suì	Hộp 5 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBVT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	DAT
2	696	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic	Hemafolic	VD-25593-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN SỐ 11582E/QLD-DK NGÀY 14/06/2021 VỀ VIỆC DUY TRÌ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH))	100mg + 1mg/ 10ml	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 10 ống x 10ml	Uống	chai/lọ/túi/ống	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	DAT


 122/181

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	785	Vitamin B1 + B6 + B12	Cosyndo B	VD-17809-12 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN SỐ: 17423E/QLD-ĐK NGÀY 06/10/2021 VỀ VIỆC DUY TRÌ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH))	175mg + 175mg + 125mcg	viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH MTV 120 Amephaco	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									

95 CÔNG TY TNHH DƯỢC TÁM ĐÀN

Nhóm 1

1	411	Irbesartan	Rycardon	VN-22391-19	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	ĐẠT
2	414	Irbesartan + hydrochlorothiazid	CoRycardon	VN-22389-19	150mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Delorbis Pharmaceuticals Ltd.	Cyprus	ĐẠT
3	580	Octreotide	Octreotide	VN-19094-15	0,1mg/ 1ml	Dung dịch tiêm hoặc dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm truyền	Ống	Bioindustria Laboratorio Italiano Medicinali S.p.A. (Bioindustria L.I.M)	Italy	ĐẠT
4	720	Suxamethonium clorid dihydrat 110 mg (tương đương suxamethonium clorid 100 mg)	Suxamethonium chlorid VUAB 100mg	VN-22760-21	100mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm/ tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm truyền	Lọ	VUAB Pharma a.s.	Cộng Hòa Séc	ĐẠT
TỔNG CỘNG			4									

123/181

Ngày
next ann

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

97 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN

4

TỔNG CỘNG

Nhóm 3

1	283	Drotaverin hydroclorid	Drotuse	VD-25197-16	40mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	DẠT
		TỔNG CỘNG		1								

Nhóm 4

2	113	Benazepril hydroclorid	Hezepril 5	VD-24222-16	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	DẠT
3	147	Calci carbonat + Vitamin D3	Calciferat 750mg/200IU	VD-30416-18	750mg+ 200 IU	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	DẠT
4	166	Candesartan cilexetil	Cardesartan 16	VD-28951-18	16mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	DẠT
5	172	Carbocistein	Dixirein	VD-22874-15	375mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	DẠT
6	249	Desloratadin	Desloratadin ODT 5	VD-35516-21	5 mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	DẠT
7	285	Drotaverin hydroclorid	Dromasim fort	VD-25169-16	80mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	DẠT
8	641	Pravastatin natri	Hypevas 20	VD-31108-18	20mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	DẠT
9	643	Pravastatin natri	Hypiravas 40	VD-31763-19	40mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	DẠT

124/181

20/11/2024
MNV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
10	670	Repaglinid	Imoglid	VD-26880-17	1mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			9									

98 **CÔNG TY CỔ PHẦN TAVO PHARMA** **TỔNG CỘNG** 10

Nhóm 1

1	760	Ursodeoxycholic acid	PMS-Ursodiol C 250mg	VN-18052-14	250mg	viên	Chai 30 viên	Uống	Viên	Pharmascience Inc.	Canada	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

99 **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂY NINH** **TỔNG CỘNG** 1

Nhóm 1

1	61	Amlodipin	Amlodipine STELLA 10 mg	VD-30105-18	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
2	130	Bisoprolol fumarat	Bisostad 5	VD-23337-15	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			2									

Nhóm 2

3	16	Acetylcystein	Stacytine 200	VD-20374-13	200mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
---	----	---------------	---------------	-------------	-------	------------------	-------------------	------	------	---	----------	-----

Ug
M

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	17	Acetylsalicylic acid	Aspirin Stella 81 mg	VD-27517-17	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 28 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
5	23	Aciclovir	Acyclovir Stella 400 mg	VD-21528-14	400mg	Viên nén	Hộp 7 vỉ x 5 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
6	62	Amlodipin	Amlodipine STELLA 10 mg	VD-30105-18	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
7	118	Betahistin dihydrochlorid	Betahistine Stella 16mg	VD-25487-16	16mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
8	127	Bisoprolol fumarat	Bisoprolol 2.5mg Tablets	VD-32399-19	2,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
9	175	Carvediol	Carvestad 6,25	VD-29498-18	6,25mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
10	243	Colchicin	Colchicine Stella 1 mg	VD-24573-16	1mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
11	325	Fenofibrat	Fenostad 160	VD-26563-17	160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT

2007/01/11

167

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
12	329	Fexofenadin hydrochlorid	Fexostad 60	VD-34464-20	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
13	339	Flunarizin	Fluzinstad 5	VD-25479-16	5mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
14	350	Gabapentin	Neuronstad	VD-26566-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
15	377	Glucosamin sulfat	Vonifend 500	VD-32594-19	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
16	399	Imidapril hydroclorid	Indopril 5	VD-26574-17	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
17	466	Lisinopril	Lisinopril Stella 5 mg	VD-22672-15	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
18	509	Mirtazapin	Mirastad 30	VD-27527-17	30mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
19	546	Natri montelukast	Montemac 5	VN-19703-16	5mg	Viên nén nhai	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
20	549	Natri montelukast	Montemac 10	VN-19702-16	10mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
21	584	Olanzapin	Zanobapine	VN-16470-13	10mg	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
22	646	Pregabalin	Regabin 75	VN-20016-16	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	ĐẠT
23	789	Vitamin B6 + magnesi lactat	Magne - B6 STELLA Tablet	VD-23355-15	5mg + 470mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				21								

Nhóm 3												
24	227	Cetirizin	Cetirizine Stella 10 mg	VD-30834-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								

Nhóm 4												
25	342	Flutbiprofen natri	Amedoflen 100	VD-29055-18	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	ĐẠT
26	801	Zopiclon	Zopistad 7.5	VD-18856-13	7,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				2								

Nhóm 5												
27	700	Simethicon	Simethicone STELLA	VD-25986-16	40mg/0,6m l chai 15ml	Nhũ dịch uống	Hộp 1 chai 15ml	Uống	Chai	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								

TỔNG CỘNG				27								
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI				100								

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 1												
1	25	Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng lysine HCl) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasma B. Braun 10% E	VN-18160-14 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	(1,25g + 2,225g + 1,7125g + 1,1g + 1,175g + 1,05g + 0,4g + 1,55g + 2,875g + 0,75g + 2,625g + 3g + 1,4g + 1,8g + 1,375g + 0,575g + 0,1g + 0,7145g + 0,09g + 0,61325g + 0,127g + 0,89525g)/250ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT

AM

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	27	Isolencine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine HCl) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Sodium Chloride + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B. Braun 5% E	VN-18161-14 (Công văn gia hạn: (CÒ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	(0,625g + 1,1125g + 0,8575g + 0,55g + 0,5875g + 0,525g + 0,2g + 0,775g + 1,4375g + 0,375g + 1,3125g + 1,5g + 0,7g + 0,9g + 0,6875g + 0,2875g + 0,1g + 0,34025g + 0,035g + 0,61325g + 0,241g + 0,127g + 0,89525g)/ 250ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	30	Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine HCl) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Sodium Chloride + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasma B. Braun 5% E	VN-18161-14 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	(0,625g + 1,1125g + 0,8575g + 0,55g + 0,5875g + 0,525g + 0,2g + 0,775g + 1,4375g + 0,375g + 1,3125g + 1,5g + 0,7g + 0,9g + 0,6875g + 0,2875g + 0,1g + 0,34025g + 0,035g + 0,61325g + 0,241g + 0,127g + 0,89525g)/250ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT

Ng
M

STT	STT trong HSMT	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	126	Bisoprolol fumarate	DIOPOLOL 2.5	VN-19499-15 (Công văn gia hạn: KIỂM CÒNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 2/6/2022 V/V CÔNG BỎ DANH MỤC THUỐC THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP)	2,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Chanelle Medical	Ireland	ĐẠT
5	403	Insulin aspart (rDNA)	Novorapid FlexPen	QLSP-963-16 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	300IU/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	ĐẠT
6	406	Insulin Human	Actrapid	QLSP-1029-17 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	ĐẠT
7	407	Insulin Human (rDNA)	Insulatard	QLSP-1054-17 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	1000IU/10ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	ĐẠT

22/07/2022
TMV kg

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	409	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen	QLSP-1056-17 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	ĐẠT
9	548	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	KIPEL FILM COATED TABS 10MG	VN-21538-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Pharmathen S.A	Greece	ĐẠT
TỔNG CỘNG			9									
Nhóm 2												

16/

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
10	44	Simethicone + Alverine citrate	AVARINO	VN-14740-12 (Công văn gia hạn: KÈM CÔNG VĂN SỐ 7981/QLD-ĐK NGÀY 08/6/2017 VỀ VIỆC THAY ĐỔI MẪU NHÃN, THAY ĐỔI CÁCH GHI ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT NHUÔNG QUYÊN.; QUYẾT ĐỊNH SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/9/2022 VỀ VIỆC BAN HÀNH DANH MỤC 169 THUỐC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM - ĐỢT 110)	300mg, 60 mg	Viên nang mềm	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Limited.	Thailand	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSM	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	118	Betahistin dihydrochlorid	VERTIKO 16	VN-20234-17 (Công văn gia hạn: KÈM CÔNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 2/6/2022 V/V CÔNG BỐ DANH MỤC THUỐC THEO QUI ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP)	16mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	ĐẠT
12	317	Ezetimibe 10 mg; Simvastatin 20 mg	SIMVOFIX 10/20 MG	VN-23050-22	10mg +20mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India	ĐẠT
13	325	Fenofibrate	COLESTRIM	VN-14260-11 (Công văn gia hạn: KÈM CÔNG VĂN SỐ 22153/QLD-ĐK NGÀY 18/12/2014 VỀ VIỆC THAY ĐỔI TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CÔNG TY ĐĂNG KÝ VÀ CÔNG BỐ DANH MỤC THUỐC THEO QUI ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP)	160mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Inventia Healthcare Pvt.Ltd	India	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNN	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
14	370	Glimepiride	PERGLIM 2	VN-21623-18 (Công văn gia hạn: CÔNG VĂN SỐ 1008/QLD-ĐK NGÀY 06/02/2020 V/V THÔNG BÁO THAY ĐỔI TÊN CSSX THUỐC THÀNH PHẨM (KHÔNG THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM))	2mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Inventia Healthcare Limited	India	ĐẠT
15	412	Irbesartan	RIOSART 300MG	VN-17573-13 (Công văn gia hạn: KÈM CÔNG VĂN SỐ 11795/QLD-ĐK NGÀY 09/08/2017 V/V THAY ĐỔI TÊN NHÀ SẢN XUẤT, CÁCH GHI ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT VÀ MẪU NHÃN; CÔNG VĂN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 2/6/2022 V/V CÔNG BỐ DANH MỤC THUỐC THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP)	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	ĐẠT

Handwritten signature/initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
16	421	Isotretinoin	SOTRETRAN 10MG	VN-20347-17 (Công văn gia hạn: CÔNG VĂN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 2/6/2022 V/V CÔNG BỐ DANH MỤC THUỐC THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP; KÈM QUYẾT ĐỊNH SỐ 517/QĐ-QLD NGÀY 5/9/2022 V/V SỬA ĐỔI THÔNG TIN TẠI DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM BAN HÀNH KÈM THEO CÁC QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CỦA CỤC QLD)	10mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	ĐẠT
17	421	Isotretinoin USP	ACNOTIN 10	VN-22923-21	10mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Limited.	Thailand	ĐẠT

129
-
WV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNN	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
18	549	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	MONTENUZ YD	VN-15256-12 (Công văn gia hạn: KÈM CÔNG VĂN 475/QLD - ĐK NGÀY 3/4/2013 VỀ VIỆC TĂNG HẠN DÙNG VÀ CÔNG VĂN 10270/QLD-ĐK NGÀY 5/6/2018 V/V THAY ĐỔI CÁCH GHI ĐỊA CHỈ NHÀ SẢN XUẤT, THAY ĐỔI MẪU NHÃN, THAY ĐỔI CÁCH GHI ĐỊA CHỈ TRONG TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG; CÔNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 2/6/2022 V/V CÔNG BỐ DANH MỤC THUỐC THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP)	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	ĐẠT



STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
19	646	Pregabalin	PREGABALIN CAPSULES 75 mg	VN-22722-21	75 mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi nhôm-nhôm x 10 viên, Hộp 10 vi nhôm-PVC/PVD C x 10 viên	Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	ĐẠT
20	654	Propofol	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ ml)	VN-22233-19	10mg/ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Ống	B. Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT
TỔNG CỘNG			11									
Nhóm 3												

10/1
20/11/2017

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
21	495	Metformin hydrochlorid	PANFOR SR-750	VN-20188-16 (Cộng văn gia hạn: KEM CÔNG VẠN SỞ 6712/QLD-DK NGÀY 16/5/2017 V/V ĐÌNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH CẤP SDK THUỐC NƯỚC NGOÀI VÀ CÔNG VẠN SỞ 1008/QLD-DK NGÀY 06/02/2020 V/V THÔNG BÁO THAY ĐỔI TÊN CSSX THUỐC THÀNH PHẨM (KHÔNG THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM), CÔNG VẠN 10521/QLD-DK NGÀY 07/09/2021 V/V THAY ĐỔI MẪU NHÃN HỘP, NHÃN VỈ, CÔNG VẠN SỞ 6942/QLD-DK NGÀY 20/7/2022 V/V CÔNG BỐ DANH MỤC THUỐC THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2022/NĐ-CP CỦA CP (ĐỢT 2))	750mg	Viên nén phòng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Inventia Healthcare Limited	India	ĐẠT

140/181

20/01/2023

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 5												
TỔNG CỘNG			1									
22	410	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen	QLSP-1056-17 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	ĐẠT
23	581	Octreotid (dưới dạng octreotid acetat) 0,1mg/ml	OCTRIDE 100	"VN-22579-20 (Công văn gia hạn: KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH 566/QĐ-QLD NGÀY 4/10/2021 V/V VỀ VIỆC SỬA ĐỔI THÔNG TIN TẠI DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM BAN HÀNH KÈM THEO CÁC QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CỦA CỤC QUẢN LÝ DƯỢC")	0,1mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm dưới da	Ống	Sun Pharmaceutical Medicare Limited	India	ĐẠT
24	655	Propofol	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ ml)	VN-22233-19	10mg/ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Ống	B. Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT
TỔNG CỘNG			3									

Ngày
-cc- MN

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

TỔNG CỘNG 24

101 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TH

Nhóm 1

1	726	Telmisartan + hydrochlorothiazid	TEL SOL PLUS 80mg/25mg tablets	VN-23033-22	80mg +25mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Laboratorios Liconsa, S.A.	Spain	ĐẠT
---	-----	----------------------------------	--------------------------------	-------------	------------	----------	--------------------	------	------	----------------------------	-------	-----

TỔNG CỘNG 1

Nhóm 2

2	58	Amitriptylin hydroclorid	AmitriptylineHydrochloride 25mg	VD-29099-18	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
3	132	Bisoprolol	ProloSavi 10	VD-29115-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
4	167	Candesartan + hydrochlorothiazid	Sartan/HCTZ	VD-28027-17	16mg+12,5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
5	217	Cefprozim	Zocincef 1g	VD-29359-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	tiêm/truyền	Lọ	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	ĐẠT
6	346	Fluvastatin	Savi Fluvastatin 40	VD-27047-17	40mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
7	374	Glipizid	Glipits 5	VN-21805-19	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	uống	viên	Zim Laboratories Limited	Ấn Độ	ĐẠT
8	468	Lisinopril + hydrochlorothiazid	UmenoHCT 20/25	VD-29133-18	20mg + 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
9	497	Methocarbamol	Methocarbamol 500	VD-34732-20	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 100 viên	uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
10	642	Pravastatin	Pravastatin Savi 10	VD-25265-16	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 3												
TỔNG CỘNG												
9												
Nhóm 3												
11	69	Amoxicilin	Amoxicilin 250mg	VD-18302-13	250mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
Nhóm 4												
TỔNG CỘNG												
2												
Nhóm 4												
12	301	Erythropoietin	Nanokine 4000IU	QLSP-923-16	4,000IU/0,5ml	dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn thuốc (0,5ml)	tiêm	Bơm tiêm	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen	Việt Nam	ĐẠT
13	302	Erythropoietin	Nanokine	QLSP-H03-1159-19	2000IU/0,5ml	dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn thuốc (0,5 ml)	tiêm	Bơm tiêm	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Dược Nanogen	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
13												
TỔNG CỘNG												
102												
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN												
Nhóm 1												
TỔNG CỘNG												
1												
Nhóm 1												
1	771	Vancomycin	Voxin	VN-20983-18	1g	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm truyền	lọ	Vianex S.A-Plant C'	Greece	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
1												
TỔNG CỘNG												
1												

Key

13/07/2017

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SBK hoặc số GPKK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
103 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÁI TỰ												

Nhóm 4												
1	92	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium trihydrate) + Ezetimib	EZEATO	VD-30027-18	10mg + 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược và VTYT Bình Thuận	Việt Nam	DẠT
2	318	Simvastatin + Ezetimib	SIMZE PLUS	VD-22112-15	20mg + 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Phẩm 3/2	Việt Nam	DẠT
3	825	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrate) + Ezetimib	ATORPA-E 20/10	VD-32755-19	20mg + 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược Apimed	Việt Nam	DẠT
TỔNG CỘNG					3							

104 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THĂNG LONG												
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nhóm 1												
1	464	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrate)	Tazenase	VN-21369-18	20mg	Viên nén	Hộp 4 vi x 14 viên	Uống	Viên	Bluepharma - Industria Farmaceutica, S.A	Bồ Đào Nha	DẠT
2	758	Trimetazidine Dihydrochloride	Metazydyna	VN-21630-18	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 30 viên	Uống	Viên	Adamed Pharma S.A.	Ba Lan	DẠT
					TỔNG CỘNG			2				
					TỔNG CỘNG			2				

106 CÔNG TY TNHH DƯỢC THÔNG NHẤT												
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Nhóm 1												
1	798	Vitamin D3	Aquadetrim Vitamin D3	VN-21328-18	15,000IU/ml, Chai 10ml	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ 10ml	Uống	Lọ	Medana Pharma Spolka Akcyjna	Ba Lan	DẠT
					TỔNG CỘNG			1				

Nhóm 5												
---------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	493	Meglumin natri succinat	Reamberin	VN-19527-15 (Công văn gia hạn: Gia hạn SDK đến ngày 31/12/2022 theo CV số 4781/QLD-ĐK ngày 02/06/2022 của Cục QL Dược; STT: 1013, Phụ lục II)	6g/400ml	thuốc tiêm truyền	Hộp 1 chai thủy tinh 400ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Scientific Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd.	Nga	ĐẠT
			TỔNG CỘNG			1						

TỔNG CỘNG

2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TBYT THUẬN PHÁT

Nhóm 4

1	564	Nicorandil	Nikoramyl 5	VD-30393-18	5mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
2	637	Povidon iod	TP Povidon iod 10%	VD-31196-18	2,5g/25ml	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ x 330ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	Việt Nam	ĐẠT
3	794	Vitamin C	Effe-C TP	VD-29387-18	500mg	Viên nén sủi	Hộp 5 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Việt Nam	ĐẠT
			TỔNG CỘNG			3						

TỔNG CỘNG

3

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO

109

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Nhóm 3

1	818	Rosuvastatin	Rosuvastatin 10mg	VD-35479-21	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	DẠT
2	819	Rosuvastatin	Rosuvastatin 20mg	VD-35480-21	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	DẠT
		TỔNG CỘNG										
		2										

Nhóm 4

3	676	Rorundin	Sitlux - 60	VD-20340-13	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	DẠT
4	762	Acid Ursodeoxycholic	Acid Ursodeoxycholic 300mg	VD-35382-21	300mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	DẠT
		TỔNG CỘNG										
		2										

TỔNG CỘNG

4

110

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

Nhóm 2

1	289	Enalapril + hydrochlorothiazid	Ebitac 12.5	VN-17895-14	10mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Farmak JSC	Ukraine	DẠT
2	291	Enalapril + hydrochlorothiazid	Ebitac Forte	VN-17896-14	20mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Farmak JSC	Ukraine	DẠT
3	725	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Safetelm H 80/12.5	VN-20818-17	80mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	MSN Laboratories Private Limited	Ấn Độ	DẠT
		TỔNG CỘNG										
		3										

Nhóm 3

Handwritten signature and date

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	365	Glibenclamid + metformin	Duotrol	VN-19730-16	5mg + 500mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	USV Private Limited	Ấn Độ	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
Nhóm 4												
5	541	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan	Oresol 4,1 g	VD-28170-17	520mg + 300mg + 580mg + 2,7g	Thuốc bột uống	Túi 40 gói	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược Trung Ương 3	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
Nhóm 5												
6	368	Gliclazid + metformin	Glizym-M	VN3-343-21	80mg + 500mg	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG												
111 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA												
Nhóm 1												
1	328	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrat)	Fenilham	VN-17888-14 (Công văn gia hạn: QUYẾT ĐỊNH 232/QĐ-QLD NGÀY 29/4/2022))	0,1mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ĐẠT
2	388	Glyceryl trinitrat (dưới dạng Glyceryl trinitrat trong glucose 1,96%: 510mg)	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	VN-18845-15 (Công văn gia hạn: CÔNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022)	10mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 10ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	500	Metoclopramid hydrochlorid	Elitan	VN-19239-15 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022))	10mg/2ml	Dung dịch	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	ĐẠT
4	510	Morphin (Dưới dạng Morphin sulfat 5H2O 10mg/ml)	Opipline	VN-19415-15 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022))	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ĐẠT
5	523	Naloxon HCl (dưới dạng Naloxone hydrochlorid dihydrat)	Naloxone-hameln 0,4mg/ml Injection	VN-17327-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022))	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ĐẠT
6	555	Neostigmine metilsulfate	Neostigmine-hameln 0,5mg/ml Injection	VN-22085-19	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ĐẠT
7	623	Pethidin HCl	Pethidine-hameln 50mg/ml	VN-19062-15 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH 232/QĐ-QLD NGÀY 29/4/2022))	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ĐẠT
8	766	Valsartan	Vasblock 80mg	VN-19240-15 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH 232/QĐ-QLD NGÀY 29/4/2022))	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Medochemie Ltd. - Central Factory	Cyprus	ĐẠT
TỔNG CỘNG			8									
Nhóm 2												

Handwritten signature and date:
 22/06/2022
 MW

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	224	Celecoxib	Celofin 200	VN-19973-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA 4982/QLD-DK NGÀY 20/07/2022))	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	ĐẠT
10	359	Gemfibrozil	Savi Gemfibrozil 600	VD-28033-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 6942 /QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi"	Việt Nam	ĐẠT
11	517	Mupirocin	Bacterocin Oint	VN-21777-19	2%/5g	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Kolmar Korea Co.,Ltd.	Korea	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												

Nhóm 4

12	18	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) + Aspirin	Limoren	VD-27026-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	75mg + 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	ĐẠT
13	26	Các axit amin	Amiparen - 10	VD-15932-11 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 4781/QLD- ĐK NGÀY 02/06/2022))	10%/500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
14	29	Các axit amin	Amiparen - 10	VD-15932-11 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	10%/200ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 200ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT

16/

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	31	L-Tyrosin, L-Aspartic acid, L-Glutamic acid, L-Serin, L-methionin, L-Histidin, L-Prolin, L-Threonin, L-Phenylalanin, L-Isoleucin, L-Valine, L-Alanine, L-Arginin, L-Leucine, Glycin, L-Lysine Acetate, L-Tryptophan, L-Cysteine.	Amiparen – 5	VD-28286-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 6942 /QLD-BK NGÀY 20/07/2022))	Mỗi 200ml chứa: L-Tyrosin 0,05g; L-Aspartic acid 0,1g; L-Glutamic acid 0,1g; L-Serin 0,3g; L-methionin 0,39g; L-Histidin 0,5g; L-Prolin 0,5g; L-Threonin 0,57g; L-Phenylalanin 0,7g; L-Isoleucin 0,8g; L-Valine 0,8g; L-Alanine 0,8g; L-Arginin 1,05g; L-Leucine 1,4g; Glycine 0,59g; L-Lysine Acetate 1,48g; L-Tryptophan 0,2g; L-Cysteine 0,1g. Chai 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT

150/181

2/2/2021 16/7

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
16	32	L-Tyrosin; Acid L-Aspartic; Acid L-Glutamic; L-Serine; L-Histidin; L-Prolin; L-Threonin; L-Phenylalanin; L-Isoleucin; L-Valin; L-Alanin; L-Arginin; L-Leucin; L-Lysin acetat; L-Methionin; L-Tryptophan; L-Cystein.	Kidmin	VD-28287-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 6942 /QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	Mỗi 200ml chứa: L-Tyrosin 0,1g; Acid L-Aspartic 0,2g; Acid L-Glutamic 0,2g; L-Serine 0,6g; L-Histidin 0,7g; L-Prolin 0,6g; L-Threonin 0,7g; L-Phenylalanin 1g; L-Isoleucin 1,8g; L-Valin 2g; L-Alanin 0,5g; L-Arginin 0,9g; L-Leucin 2,8g; L-Lysin acetat 1,42g; L-Methionin 0,6g; L-Tryptophan 0,5g; L-Cystein 0,2g.	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 200ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	249	Desloratadin	Highercoldz One	VD-33139-19	5mg	Viên nén phân tán	Hộp 5 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ x 30 viên; Hộp 1 lọ x 50 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	ĐẠT
18	342	Flutibiprofen	Axofinen 100	VD-32203-19	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9	Việt Nam	ĐẠT
19	486	Magnesi hydroxyd, Nhôm hydroxyd (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô), Simethicon (dưới dạng Simethicon nhũ dịch 30%)	Antilox plus	VD-29689-18	800mg +400mg +80mg	Hỗn dịch	Hộp 20 gói x 10g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ĐẠT
20	511	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)	VD-24315-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
21	512	Morphin sulfat	Morphin 30mg	VD-19031-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	30mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 7 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 2	Việt Nam	ĐẠT
22	535	Natri clorid	Sodium Chloride 0,9%	VD-24019-15 (Công văn gia hạn: (QUYẾT ĐỊNH GIÁ HẠN SỐ 201/QĐ-QLD NGÀY 20/04/2022))	0,9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
23	539	Natri clorid ; Kali clorid ; Monobasic kali phosphat ; Natri acetat.3H2O ; Magne sulfat.7H2O; Kẽm sulfat.7H2O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte -2	VD-25376-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 6942 /QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 1,955g; Kali clorid 0,375g; Monobasic kali phosphat 0,68g; Natri acetat.3H2O 0,68g; Magne sulfat.7H2O 0,316g; Kẽm sulfat.7H2O 5,76mg; Dextrose Anhydrous 37,5g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
24	589	Pantoprazol	Naptogast 20	VD-13226-10 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-ĐK NGÀY 2/6/2022))	20mg	Viên nang	Hộp 2 vi x 6 viên nang (vi nhôm - nhôm), hộp 2 vi x 7 viên nang (vi nhôm - nhôm), Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT

Key

20/07/2022

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25	599	Paracetamol (acetaminophen)	Banryol 150 Sol	VD-27927-17 (Công văn gia hạn: (CV GIA HẠN SDK 6942/QLD-DK NGÀY 20/07/2022))	150mg/5ml	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml	Uống	Ống	Công ty cổ phần Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
26	611	Perindopril	Perivel 4	VD-22468-15 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-DK NGÀY 2/6/2022))	4mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
27	625	Phenobarbital	Phenobarbital 0,1 g	VD-30561-18	100mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên; chai 100 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
28	679	Saccharomyces boulardii 100mg (tính với vi sinh sống ≥ 108 CFU)	Zentomyces	QLSP-910-15 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-DK NGÀY 2/6/2022))	100mg	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Công ty liên danh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	ĐẠT
29	746	Tramadol HCl	Privagin	VD-19966-13 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 4781/QLD-DK NGÀY 02/06/2022))	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	ĐẠT
30	797	Vitamin D3 (cholecalciferol)	Babi B.O.N	VD-24822-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN SỐ 6942/QLD-DK NGÀY 20/07/2022))	400IU/0,4 ml, chai 12ml	Dung dịch uống	Hộp 1 chai 12ml	Uống	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	ĐẠT

28/07/2022
TMM ký

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
31	834	Dextrose monohydrat (tương đương Dextrose anhydrous)	Glucose 5%	VD-24423-16 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	5%/500ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	ĐẠT
32	836	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	QLSP-1037-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, 2 vi x 1500 đvqt	Tiêm	Ống	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (TVAC)	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			21									

Nhóm 5

33	37	Adapalen	Akneyash	VN-20743-17 (Công văn gia hạn: (CÔNG VĂN 9364/QLD-ĐK NGÀY 23/09/2022))	0,1%/30g	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Yash Medicare Pvt.Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

TỔNG CỘNG

33

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1

112

Nhóm 1

1	33	Acid amin + glucose + lipid (*)	Nutriflex Lipid Peri 1250ml	VN-19792-16	40g + 80g + 50g	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 5 túi x 1250ml (túi chia 3 ngăn)	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT
2	261	Diazepam	Seduxen 5 mg	VN-19162-15	5mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	296	Ephedrin	Ephedrine Aguetant 30mg/ml	VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 01ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	ĐẠT
4	422	Ilopid	Iloimed	VN-23045-22	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên. Hộp 2 vỉ, 6 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Pro.Med.CS Praha a.s	Cộng Hòa Séc	ĐẠT
5	434	Ketamin	Ketamine Hydrochloride Injection	VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ 10 ml	Tiêm	Lọ	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Đức	ĐẠT
6	558	Nhũ dịch lipid	Lipofundin MCT/LCT 10% 250ml	VN-16130-13	10% 250ml	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai thủy tinh x 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT
7	559	Nhũ dịch lipid	Lipofundin MCT/LCT 20% 100ml	VN-16131-13	20%/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai thủy tinh x 100ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT
8	608	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	Cerebrolysin	QL.SP-845-15	10ml	Dung dịch để tiêm, dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 5 ống 10ml	Tiêm	Ống	Cơ sở xuất xưởng: EVER NEURO PHARMA GmbH (Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH - Germany)	Áo	ĐẠT

Handwritten signature/initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
9	653	Propofol	Propofol - Lipuro 0,5% (5mg/ml)	VN-22232-19	0,5% 20ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	Tiêm	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	ĐẠT
10	743	Tolperison	Myderison 150mg	VN-21061-18	150mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 Viên	Uống	Viên	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	ĐẠT
11	745	Tolperison	Myderison 50mg	VN-21062-18	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 Viên	Uống	Viên	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	ĐẠT
12	842	Midazolam	Midazolam B.Braun 1mg/ml	VN-21582-18	50mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền hoặc bơm hậu môn	Hộp 10 chai nhựa 50ml	Tiêm truyền hoặc bơm hậu môn	Chai	B.Braun Medical S.A	Tây Ban Nha	ĐẠT
13	846	Acid amin + glucose + điện giải*	Nutriflex Peri 1000 ml	VN - 18157 - 14	(40g + 80g)/1000 ml	Dung dịch tím truyền	Hộp 5 túi 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	ĐẠT
Nhóm 2												
TỔNG CỘNG												
14	34	Acid amin + glucose + lipid (*)	MG-TAN Inj. 960ml	VN-21330-18	11,3% + 11% + 20%/960ml	Dung dịch tiêm truyền	Túi 960ml	Tiêm truyền	Túi	MG Co., Ltd.	Hàn Quốc	ĐẠT
15	669	Repaglinid	Enyglid Tablet	VN-22613-20	1mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
16	738	Tobramycin	Philoberan	VN-22131-19	0,3%, 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Daewoo Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	ĐẠT
Nhóm 4												
TỔNG CỘNG												
3												
157/181												

Ng

2021/11/17

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	47	Ambroxol	Habroxol	VD-32991-19	15mg/5ml Chai 100ml	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ 100ml	Uống	Lọ	Công ty cổ phần dược VITYT Hà Nam	Việt Nam	ĐẠT
18	107	Bacillus subtilis	Biosuby-II	QLSP-856-15	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	ĐẠT
19	231	Clinidipin	Clidamin 10	VD-32987-19	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược VITYT Hà Nam	Việt Nam	ĐẠT
20	272	Diosmin	Biviven	VD-31013-18	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	ĐẠT
21	512	Morphin	Morphin 30 mg	VD-19031-13	30mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	ĐẠT
22	637	Povidon iodin	PVP - Iodine 10% 330ml	VD-27714-17	10%, Chai 330ml	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ 330ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	ĐẠT
23	721	Tacrolimus	Tacrolimus 0,1%	VD-34289-20	0,1% 10mg, tủy 10g	Mỡ bôi da	Hộp 01 tủy 10g	Dùng ngoài	Tủy	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			7									
Nhóm 5												
24	358	Gelatin (dưới dạng gelatin lỏng biến tính)	Gelofusine	VN-20882-18	20g/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 chai plastic 500ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG			24									
113 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA												
Nhóm 3												

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	221	Cefuroxim	CEFUROVID 125	VD-13902-11	125mg	gói	Hộp 10 gói x 3g	Uống	Gói	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												
1												

2	24	Aciclovir	ACYCLOVIR 400	VD-34274-20	400mg	viên bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
3	76	Amoxicilin + acid clavulanic	AUGXICINE 250mg/ 31,25mg	VD-17976-12	250mg + 31,25mg	thuốc bột	Hộp 10 gói 0,8g	Uống	Gói	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
4	251	Dexamethason	DEXAMETHASON 0,5mg	VD-27109-17	0,5mg	viên nén	Hộp 10 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
5	253	Dexamethason	DEXAMETHASON	VD-28118-17	4mg/ml	dung dịch tiêm	Hộp 50 ống 1ml	Tiêm	ống	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
6	259	Diacerein	DIACEREIN	VD-21915-14	50mg	viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
7	574	Nystatin	NYSTATIN 500.000IU	VD-24878-16	500,000UI	viên bao đường	Hộp 10 vỉ x 8 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
8	583	Ofloxacin	OFLOXACIN 200mg	VD-30560-18	200mg	viên bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
9	590	Papaverin hydroclorid	PAPAVERIN	VD-22537-15	40mg	viên nén	Hộp 3 vỉ 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT
10	792	Vitamin C	CEVIT 500	VD-23690-15	500mg/5ml	dung dịch tiêm	Hộp 100 ống 5ml	Tiêm	ống	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	805	Amoxicilin + acid clavulanic	AUGXICINE 1g	VD-35048-21	875mg + 125mg	viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidiapha	Việt Nam	ĐẠT
12	821	Telmisartan	TELMISARTAN 40	VD-34279-20	40mg	viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidiapha	Việt Nam	ĐẠT
13	823	Alimemazin	THÉMAXTENE	VD-17021-12	45mg/90ml	Dung dịch uống	Hộp Chai 90ml	Uống	Chai	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidiapha	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	12									
		TỔNG CỘNG	13									

114 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ DỨC

Nhóm 1												
1	206	Cefoxitin	Cefoxitine Gerda 2G	VN-20446-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp x 10 lọ	Tiêm	Lọ	LDP Laboratorios Torlan SA	Spain	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
Nhóm 2												
2	205	Cefotiam	Fotimyd 1000	VD-34241-20	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ; Hộp 1 lọ kèm ống nước cất pha tiêm (VN-18493-14)	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	ĐẠT
3	452	Levosulpirid	Evaldez-25	VD-34676-20	25mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	ĐẠT

CHUYÊN / 10

2025/01/18

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	461	Linezolid*	Cinezolid Injection 2mg/ml	VN-21694-19	600mg /300ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 20 túi nhựa dẻo 300ml	Tiêm truyền	Túi	HK inno.N Corporation	Korea	ĐẠT
5	609	Perindopril	SaviDopril 4	VD-23011-15	4mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												
6	513	Moxifloxacin	Rvmoxi	VD-30142-18	400mg/100 ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1- Pharbaco	Việt Nam	ĐẠT
7	518	Mupirocin	Derimucin	VD-22229-15	2%/5g	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 5g	Dùng ngoài	Tuýp	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	ĐẠT
8	801	Zopiclon	Drexler	VD-21052-14	7,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩ Phú	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 2												
TỔNG CỘNG												
115 CÔNG TY TNHH DƯỢC TUỆ NAM												
Nhóm 2												
1	189	Cefdinir	Imenir 125 mg	VD-27893-17	125mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Hộp 12 gói x 2 g	Uống	Gói	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
Nhóm 4												

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	38	Aescin	Usaresfil 20	VD-35206-21	20mg	viên	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	ĐẠT
3	116	Betahistin	Agihistine 24	VD-32774-19	24mg	Viên nang	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
4	306	Etiodolac	Etiodagin	VD-25524-16	200mg	viên	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
5	355	Galantamin	Galagi 4	VD-27756-17	4mg	viên	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature/initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	521	Nabumeton	Butocox 750	VD-32779-19	750mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
7	596	Paracetamol	Agimol 325	VD-22791-15	325mg	Bộ/cốm/hạt pha uống	Hộp 30 gói x 1,6g; Hộp 10 gói x 1,6g	Uống	Gói	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
8	643	Pravastatin	Agivastar 40	VD-25608-16	40mg	viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
9	662	Rabeprazol	Rabepagi 10	VD-28832-18	10mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT

167
2024/10/11

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
10	703	Stegiptin	Stegibes 50	VD-29669-18	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
11	769	Valsartan + hydrochlorothiazid	Valsgin-H160/12.5	VD-25129-16	160mg + 12,5mg	viên	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG					10							

TỔNG CỘNG

11

116

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG THÀNH

Nhóm 3

1	284	Drotaverin clohydrat	Drotusc Forte	VD-24789-16	80mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Mc Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												

Nhóm 4

2	97	Atapulgiti momoiton hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	Maltagit	VD-26824-17	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 3,3g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
3	161	Calcitriol	Calcitriol DHT 0,5mcg	VD-35005-21	0,5mcg	Viên nang mềm	Hộp 1 túi nhôm x 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	259	Diacerein	Diasanté	VD-33445-19	50mg	Viên nang cứng (vàng-trắng)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
5	338	Flunarizin	Mezapizin 10	VD-24224-16	10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
6	455	Levothyroxin (muối natri)	Disthyrox	VD-21846-14	100mcg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
7	724	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Telzid 40/12.5	VD-23592-15	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	ĐẠT
8	732	Thiamazol	Mezamazol	VD-21298-14	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
9	749	Tricalcium phosphat	Meza-Calci	VD-25695-16	1650mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 2g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			8									
TỔNG CỘNG			9									
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT												
Nhóm 1												
1	427	Kali clorid	Kalium chloratum biomedica	VN-14110-11	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Biomedica, spol.s.r.o	Cộng hòa Séc	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
Nhóm 2												
2	121	Betahistin dihydroclorid	SaVi Betahistine 8	VD-29119-18	8mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT

Ký

STT	STT trong HSM/T	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	433	Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfate monohydrate)	Grazincure	VN-16776-13	200mg/100 ml	Dung dịch uống	Hộp 1 chai 100ml	Uống	Chai	Gracure Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	ĐẠT
4	465	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrate)	SaVi Lisinopril 10	VD-29121-18	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												

Nhóm 4												
5	450	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrate)	Sunfloxacine 250mg/50ml	VD-32458-19	250mg/50 ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 túi 50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Túi	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	ĐẠT
6	811	Metformin hydroclorid	Metformin Stella 1000 mg	VD-27526-17	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
2												
TỔNG CỘNG												
6												

119 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG

Nhóm 1												
1	3	Acetiofenac	Acetionac	VN-20696-17	100mg	viên	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Rafarm S.A.	Greece	ĐẠT
2	8	Acetylcystein	Mucomucil	VN-21776-19	300mg/3ml	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Hộp 10 ống x 3 ml	Tiêm	chai/lo/túi/ống ng	Esseti Farmaceutici S.r.l	Italy	ĐẠT
3	218	Ceftriaxon	Burometan 2g	VN-19328-15	2g	thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Hộp 25 lọ	Tiêm	chai/lo/túi/ống ng	Panpharma	France	ĐẠT

2024/04/10

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	504	Miconazol	Micomedit	VN-18018-14	2%, tuýp 15g	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 15g	Dùng ngoài	Tuýp	Medochemie Ltd (Cogols Facility),	Cyprus	ĐẠT
5	552	Nefopam hydroclorid	Nefolin	VN-18368-14	30mg	viên	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Medochemie Ltd (Central Factory).	Cyprus	ĐẠT
TỔNG CỘNG												

TỔNG CỘNG												
-----------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

120 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC

Nhóm 3

1	322	Felodipin	Mibepren 5mg	VD-25036-16	5mg	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
2	365	Glibenclamid + metformin hydroclorid	Hasanbest 500/5	VD-32392-19	5mg + 500mg	viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 8 vỉ x 15 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG												

Nhóm 4

3	15	Acetylcystein	Effer - Acehasan 100	VD-25025-16	100mg	viên nén sủi bọt	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 4 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
4	123	Bezafibrat	Loptid 200	VD-33907-19	200mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
5	143	Calci carbonat + calci gluconolactat	Calcium Hasan 250mg	VD-28536-17	150mg + 1470mg	viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 12 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT

167/181

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
6	145	Calci carbonat + vitamin D3	Caldhasan	VD-34896-20	1250mg + 125IU	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
7	149	Calci carbonat + vitamin D3	Calci D-Hasan	VD-35493-21	1250mg + 440 IU	viên nén sùi bọt	Hộp 1 tuýp x 18 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
8	156	Calci lactat pentahydrat	Cartulus 300	VD-33884-19	300mg	viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
9	168	Captopril + hydrochlorothiazid	Captiohasan comp 25/12.5	VD-28537-17	25mg + 12.5mg	viên nén	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
10	256	Dexibuprofen	Zecidil 300	VD-35907-22	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
11	268	Diltiazem hydroclorid	Tilhasan 60	VD-32396-19	60mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
12	308	Etiololac	Hasadolac 300	VD-29508-18	300mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
13	323	Felodipin	Mifeplen 5mg	VD-25036-16	5mg	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
14	324	Fenofibrat	Mifefen NT 145	VD-34478-20	145mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
15	347	Furosemid + spironolacton	Spinolac plus	VD-29490-18	20mg + 50mg	viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
16	373	Glimepirid + metformin hydroclorid	Comiaryl 2mg/500mg	VD-33885-19	2mg + 500mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
17	453	Levosulpirid	Letarid 25	VD-35903-22	25mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
18	668	Rebamipid	Repihasan 100	VD-34483-20	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
19	679	Saccharomyces boulardii	MICEZYM 100	QLSP-947-16	100mg	Thuốc bột	Hộp 30 gói x 1,0 g	Uống	gói	Công ty TNHH liên doanh Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
20	714	Spironolacton	Spinolac® 50 mg	VD-33888-19	50mg	viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
21	715	Sucralfat	SucraHasan	VD-35320-21	1g	thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói 2g	Uống	gói	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
22	724	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Hangitor plus	VD-28544-17	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
23	762	Ursodeoxycholic acid	Galcholic 300	VD-28543-17	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
24	763	Valproat natri	Milepsy 200	VD-33912-19	200mg	viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
25	770	Valsartan + hydrochlorothiazid	Hapresval plus 160/25	VD-28545-17	160mg + 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 04 vỉ, 10 vỉ x 07 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
26	791	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	Neurixal	VD-28552-17	5mg + 470mg	viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
27	838	Lercanidipin hydroclorid	Biocadip 10	VD-32404-19	10mg	viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 4 vỉ, 8 vỉ x 15 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
28	839	Levodopa + carbidopa	Masopen 250/25	VD-34476-20	250mg + 25mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				26								
Nhóm 5												
29	146	Calci carbonat + vitamin D3	Caldhasan	VD-34896-20	1250mg + 125IU	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG				1								
TỔNG CỘNG				29								
121 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ												
Nhóm 1												
1	61	Amlodipine	CARDILOPIN	VN-9649-10	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	ĐẠT

170/181

Handwritten signature

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	390	Glyceryl trinitrate	NITROMINT	VN-20270-17	0,08g (trong 10g khí dung)	Khí dung	Hộp 1 lọ 10g	Phun mù	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	ĐẠT
3	454	Levothyroxine sodium	BERLTHYROX 100	VN-10763-10	100mcg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Uống	Viên	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	ĐẠT
4	457	Lidocain	LIDOCAIN	VN-20499-17	10% 38g	Thuốc phun mù	Hộp 1 lọ 38g	Phun mù	Lọ	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	ĐẠT
5	652	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN	VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	ĐẠT
6	742	Tofisopam	GRANDAXIN	VN-15893-12	50mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	ĐẠT
7	843	Sofosbuvir + Velpatasvir	EPCLUSA (Đóng gói thứ cấp, xuất xứ: Gilead Sciences Ireland UC, địa chỉ: IDA Business and Technology Park Carrigrohilly, Co. Cork - Ireland)	VN3-83-18	400mg + 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 28 viên	Uống	Viên	Patheon Inc.	Canada	ĐẠT
TỔNG CỘNG			7									

TỔNG CỘNG 7

CÔNG TY CỔ PHẦN VILOGI

122

Nhóm 2

171/181

Key

20/04/2020

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	567	Nimodipin	Nimodin	VN-20320-17	10mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 50ml dung dịch	Tiêm truyền	Chai	Swiss Parenterals Ltd.	India	ĐẠT
		TỔNG CỘNG	1									

TỔNG CỘNG

1

123 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

Nhóm 1

1	66	Telmisartan + Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	Twynsta 40mg + 5mg	VN-16589-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	40mg + 5mg	Viên nén	Hộp 14 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	M/s Cipla Ltd, Đông gói và xuất xưởng: Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Ấn Độ	ĐẠT
2	114	Betahistin dihydroclorid	Betaserc 24mg	VN-21651-19	24mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	ĐẠT
3	117	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg	VN-17206-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 86/QĐ-QLD NGÀY 24/02/2022))	16mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	ĐẠT
4	120	Betahistine dihydrochloride	Serc 8mg	VN-17207-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 86/QĐ-QLD NGÀY 24/02/2022))	8mg	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	ĐẠT

2021/01/11

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	151	Magnesium gluconat + calcium glycerophosphat	Fatig	VN-20359-17 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	0,426g + 0,456g	Dung dịch uống	Hộp 2 vỉ x 10 ống	Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	ĐẠT
6	169	Carbetocin	Duratocin	VN-19945-16 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 265/QĐ-QLD NGÀY 11/05/2022))	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 5 lọ x 1ml	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	Ferring GmbH, Ferring International Center S.A.	Đức	ĐẠT
7	230	Choline Alfoscerate	Gliatilin	VN-13244-11 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 4ml	Tiêm	Ống	Italfarmaco SPA	Ý	ĐẠT
8	263	Diclofenac natri	Voltaren	VN-16847-13 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	100mg	Viên đạn	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	Delpharm Huningue S.A.S	Pháp	ĐẠT
9	275	Domperidone maleate	Motilium-M	VN-14215-11 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	OLIC (Thailand) Ltd.	Thái Lan	ĐẠT
10	287	Dydrogesterone	Duphaston	VN-21159-18	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	ĐẠT

Key


STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
11	327	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Fenoterol Hydrobromide	Berodual 10ml	VN-17269-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	0,02mg/nhất xít + 0,05mg/nhất xít	Dung dịch khí dung	Hộp 1 bình xít 200 nhất xít (10ml)	Xít	Bình	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	ĐẠT
12	422	Iloperid hydrochlorid	Eliton 50mg	VN-18978-15 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 185/QĐ-QLD NGÀY 19/04/2022))	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mylan EPD G.K.	Nhật	ĐẠT
13	425	Kali chloride	Potassium Chloride Proamp 0,10g/ml	VN-16303-13 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-DK NGÀY 20/07/2022))	1g/10ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 50 ống PP x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	ĐẠT
14	514	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid) 5mg	Vigamox	VN-22182-19	5mg/1ml	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhỏ mắt	Lọ	Alcon Research, LLC.	Mỹ	ĐẠT
15	560	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml	VN-19999-16 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-DK NGÀY 20/07/2022))	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	ĐẠT
16	571	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Noradrenaline Base Aguetant 1mg/ml	VN-20000-16 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	4mg/4ml	Dung dịch đậm đặc để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 4ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	ĐẠT

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	680	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent	VN-19797-16 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	0,5mg + 2,5mg	Dung dịch khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	ĐẠT
18	722	Telmisartan + Hydrochlorothiazide	Micardis Plus	VN-16587-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	40mg + 12,5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	ĐẠT
19	737	Tiotropium	Spiriva Respimat	VN-16963-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	0,0025mg/nhát xịt	Dung dịch để hít	Hộp chứa 1 ống thuốc 4ml tương đương 60 nhát xịt + 01 bình xịt định liều	Dạng hít	Hộp	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	ĐẠT
20	829	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg	VN-16443-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	110mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	ĐẠT
21	830	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 150mg	VN-17270-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	150mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	ĐẠT

10/10/2022

10/10/2022

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
22	832	Empagliflozin	Jardiance 10mg	VN2-605-17 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim pharma GmbH & Co.KG.	Đức	ĐẠT
23	833	Empagliflozin	Jardiance 25mg	VN2-606-17 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 573/QĐ-QLD NGÀY 23/09/2022))	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim pharma GmbH & Co.KG.	Đức	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
23												
Nhóm 2												
24	93	Atracurium Besylat	Neotrium 25mg/2,5ml	VN-20077-16 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 6942/QLD-ĐK NGÀY 20/07/2022))	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2,5ml	Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	ĐẠT
25	293	Eperisone hydrochlorid	Zonaxson	VN-20343-17 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	ĐẠT
26	665	Ramipril	Prolytens 10	VN-22454-19	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	ĐẠT
TỔNG CỘNG												
3												
Nhóm 4												

Pharmaceutical
Laboratories

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
27	166	Candesartan cilexetil	Tenecand 16	VD-22860-15 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 574/QĐ-QLD NGÀY 26/09/2022))	16mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	ĐẠT
28	318	Simvastatin + Ezetimibe	Lipodis 10/20	VD-31381-18	20mg + 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	ĐẠT
29	769	Valsartan + Hydrochlorothiazid	Abioval-HCTZ 160/12.5	VD-22456-15 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	160mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	ĐẠT
30	770	Valsartan + Hydrochlorothiazid	Abioval-HCTZ 160/25	VD-22133-15 (Công văn gia hạn: (CÓ CV GIA HẠN SỐ 4781/QLD-ĐK NGÀY 02/06/2022))	160mg + 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			4									

Nhóm 5

31	67	Telmisartan + Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	Twynsta 40mg + 5mg	VN-16589-13 (Công văn gia hạn: (CÓ QĐ GIA HẠN SỐ 232/QĐ-QLD NGÀY 29/04/2022))	40mg + 5mg	Viên nén	Hộp 14 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	M/s Cipla Ltd, Đông gói và xuất xưởng: Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Ấn Độ	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									

TỔNG CỘNG 31

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Nhóm 4												
1	5	N-Acetyl – DL – Leucin	Vintanil 1000	VD-27160-17	1000mg/10 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vi x 5 ống	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
2	55	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat)	Vinhphacine 250	VD-32034-19	250mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống x2ml; hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
3	94	Atracurium besylat	Vincurium	VD-29228-18	25mg/2.5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống, 30 ống	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
4	239	Clopromazin .HCL	Aminazin	VD-29222-18	25mg	Viên nén bao đường	Hộp 1 lọ 600 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
5	253	Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat)	Dexamethasone	VD-27152-17	4mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
6	273	Diphenhydramin Hydroclorid	Dimedrol	VD-24899-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
7	281	Drotaverin HCL	Vinopa	VD-18008-12	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống, 5 vi x 10 ống	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
8	294	Eperison hydroclorid	Sismyodine	VD-30602-18	50mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
9	304	Etiamsylat	Vincynon	VD-20893-14	250mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
10	459	Lidocain hydroclorid + Adrenalin	Lidonalin	VD-21404-14	36mg + 0,018mg/1,8ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống	Tiêm bắp	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
11	501	Metoclopramid HCl	Vincomid	VD-21919-14	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
12	551	Nefopam hydroclorid	Nistanol	VD-17594-12	20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
13	556	Neostigmin methylsulfat	Vinstigmin	VD-30606-18	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT

178/181

2024/04/19

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
14	561	Nicardipin hydroclorid	Vincardipin	VD-32033-19	10mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
15	626	Phytomenadion	Vinphyton 10mg	VD-28704-18	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống	Tiêm	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
16	687	Salbutamol	Vinsalmol 5	VD-30605-18	5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Hộp 5 vỉ x 10 ống	Phun khí dung	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
17	772	Vancomycin(dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Vancomycin 1g	VD-31254-18	1g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
18	776	Vinpocetin	Vinphaton	VD-25831-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống	Tiêm	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
19	779	Thiamin HCl	Vitamin B1	VD-25834-16	100mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống	Tiêm bắp	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
20	786	Pyridoxin HCl	Vitamin B6	VD-24911-16	100mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống	Tiêm	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
21	810	Meloxicam	Vinphaxicam	VD-16309-12	7,5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
22	815	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol natri)	Omevin	VD-25326-16	40mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG										22		

Nhóm 5

23	295	Eperison hydroclorid	Sismyodine	VD-30602-18	50mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
24	562	Nicardipin hydroclorid	Vincardipin	VD-32033-19	10mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 10ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Ông	Cty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	ĐẠT

Handwritten signature and initials

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25	581	Ocoteoid (dưới dạng Ocoteoid acetal)	Ocoteoid	VD-35840-22	0,1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vi, 2 vi x 5 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
26	627	Phytomenadion	Vinphyton 10mg	VD-28704-18	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vi x 10 ống	Tiêm	Ống	Cty CP DP Vinh Phúc	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		4								

125 CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC VSK

26

Nhóm 1												
1	587	Omeprazol	Medoome 40mg Gastro- resistant capsules	VN-22239-19	40mg	Viên nang kháng acid dạ dày	Hộp 1 lọ 28 viên	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
2	617	Perindopril + amlodipin	Amlessa 4mg/5mg tablets	VN-22312-19	4mg + 5mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
3	766	Valsartan	Valsartan 80	VN-12020-11 (Công văn gia hạn: (CVDTHL: 16536/QLD-ĐK))	80mg	viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 7 viên	Uống	viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		3								

Nhóm 2												
4	186	Cefalotin	Tenafatin 1000	VD-23661-15 (Công văn gia hạn: (CVGHL: 279/QĐ-QLD))	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	ĐẠT
5	207	Cefoxitin	Tenafatin 2000	VD-23020-15 (Công văn gia hạn: (CVDTHL: 4781/QLD-ĐK))	2g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	ĐẠT
6	219	Ceftriaxon	Ceftriaxone 2000	VD-19454-13 (Công văn gia hạn: (CVGHL: 201/QĐ-QLD))	2g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	ĐẠT
		TỔNG CỘNG		3								

180/181

20/11/2021

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG 6												
126	CÔNG TY TNHH BẢO ĐÀN ẬU CHẤU											
Nhóm 4												
1	208	Cefoxitin	Midepime 2g	VD-29012-18	2g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Minh Dân	Việt Nam	ĐẠT
TỔNG CỘNG			1									
TỔNG CỘNG 1												
		Tổng cộng 1.093 mặt hàng										

Tây Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

GIÁM ĐỐC

ving

DANH SÁCH MẶT HÀNG THUỐC DỰ THẦU KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

GÓI THẦU SỐ 02 - CUNG CẤP THUỐC GENERIC THUỘC DANH MỤC THUỐC BỔ SUNG VÀO DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG

ĐỀ SỬ DỤNG TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2022-2024

(kèm quyết định số 139/QĐ-SYT ngày 08/03/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
II CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE													
Nhóm 4													
1	246	Desloratadin	BECOLORAT		VD-26761-17	2,5mg/5 ml	Siro	Hộp 20 gói x 5ml	Uống	Siro	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Việt Nam	sai đơn vị tính: HSMT: Chai/lọ/túi/ống; HSDT: Siro
15 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)													
Nhóm 4													
1	541	"Glucose khan; Natri clorid; Kali clorid; Trinitrat citrat khan"	Oresol new		VD-23143-15	2,7g + 0,52g + 0,509g + 0,3g	Thuốc bột	Hộp 20 gói x 4,22g	Uống	Gói	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Thành phần thuốc dự thầu không hợp lệ
28 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2													
Nhóm 1													
1	141	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Symbicort Turbuhaler		VN-20379-17	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrat	Thuốc bột để hít	Hộp 1 ống hít 120 liều	Hít	Óng	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Đã có kết quả đàm phán giá theo QĐ số 3460/QĐ-BYT ngày 27/12/2022 (Được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019)

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
2	366	Gliclazide	Diamicon MR 60mg		VN-20796-17	60mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Uống	viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Đã có kết quả đàm phán giá theo Công văn số 36/TTMS-NVD ngày 02/02/2023 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019)
3	612	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	Coversyl 5mg		VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Đã có kết quả đàm phán giá theo Công văn số 36/TTMS-NVD ngày 02/02/2023 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019)
4	615	Perindopril arginine (tương ứng với 6,790 mg perindopril)/10 mg	Coversyl 10mg		VN-17086-13	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Đã có kết quả đàm phán giá theo Công văn số 36/TTMS-NVD ngày 02/02/2023 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019)

MMV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
5	690	Mỗi liều xịt chứa: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronised) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronised)	Seretide Evohaler DC 25/125mcg		VN-21286-18	25mcg + 125mcg	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Hít qua đường miệng	Bình xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Đã có kết quả đàm phán giá theo QĐ số 3460/QĐ-BYT ngày 27/12/2022 (Được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019)

29 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

Nhóm 4													
1	92	Ezetimib + Atorvastatin	ATOBE		VD-31164-18	10mg + 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Không đáp ứng mục 1.2 Chương 1. Chỉ dẫn nhà thầu
2	92	Atorvastatin + Ezetimibe	EZEATO		VD-30027-18	10mg+10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Không đáp ứng mục 1.2 Chương 1. Chỉ dẫn nhà thầu
3	800	Nicotinamid	VITAMIN PP 50		VD-16528-12	50mg	Viên nén	Lọ 60 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	Công văn gia hạn SĐK số 11691e/QLD-ĐK ngày 16/06/2021 có hiệu lực đến 16/06/2022, báo cáo xuất nhập tồn ngày 18/11/2022, số lượng cuối kỳ 5.362 viên ít hơn số lượng mời thầu 66.440 viên

30 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

Nhóm 2													
1	516	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	Respira		VN-21944-19	400mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	EU/GMP hết hạn (10/01/2022), có nộp thẻ kho từ 21/11/2022 đến 21/11/2022 có số lượng tồn nhỏ hơn số lượng mời thầu.
2	673	Rocuronium bromid	Noveron		VN-21645-18	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 12 lọ x 5ml	Tiêm	Lọ	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	EU/GMP hết hạn (12/11/2022), nhà thầu không nộp báo cáo, thẻ kho chứng minh thuốc sản xuất trước thời điểm EU- GMP hết hạn.

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)

Nhóm 5													
3	655	Propofol	Nupovel		VN-22978-21	10mg/ml	Nhũ dịch tiêm	Hộp 5 lọ 20ml	Tiêm	Lọ	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	KHÔNG ĐẠT

42 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DỨC

Nhóm 1													
1	405	Insulin glargine	Lantus Solostar		QL.SP-857-15	100 đơn vị/1ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Thuốc generic nhóm 1 theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT, đã được công bố kết quả đàm phán giá tại quyết định số 3460/QĐ-BYT, ngày 27/12/2022

44 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÙNG THỊNH

Nhóm 1													
1	22	Aciclovir	Demosol		VN-20731-17	400mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên; 1 vỉ x 5 viên; Hộp 5 vỉ x 5	Uống	Viên	Farnalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Bồ Đào Nha	Không đáp ứng mục CDNT 5.3 Chương II Bảng dữ liệu đầu thầu - HSMT; Số đăng ký lưu hành VN-20731-17 hết hiệu lực, không có thẻ kèm theo HSDT;
2	200	Cefoperazon	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection		20733-17	2g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ	tiêm/ truyền	lọ	Balkanpharma - Razgrad AD	Bungary	Không đáp ứng mục CDNT 5.3 Chương II Bảng dữ liệu đầu thầu - HSMT; Số đăng ký lưu hành VN-20733-17 hết hiệu lực, không có thẻ kèm theo HSDT;

Nhóm 2													
3	466	Lisinopril	Auriliza 5		VN-17253-13	5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Aurobindo Pharma Ltd.	Ấn Độ	Không đáp ứng mục CDNT 5.3 Chương II Bảng dữ liệu đầu thầu - HSMT; EU-GMP hết hiệu lực ngày 05/7/2022, không có thẻ kèm theo HSDT;

167
UMV

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
Nhóm 3													
4	818	Rosuvastatin	Colarusu 10		VD-15427-11	10mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Việt Nam	Không đáp ứng mục CDNT 5.3 Chương II Bảng dữ liệu đầu thầu - HSMT:SDK hết hạn (VD-15427-11), không có tài liệu chứng minh tương đương sinh học.
5	819	Rosuvastatin	Colarusu 20		VD-15428-11	20mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (SaViPharm)	Việt Nam	Không đáp ứng mục CDNT 5.3 Chương II Bảng dữ liệu đầu thầu - HSMT:SDK hết hạn (VD-15428-11), không có tài liệu chứng minh tương đương sinh học.
Nhóm 4													
6	419	Isosorbid	Monis 20mg		VN-16216-13	20mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Maple Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.	Pakistan	Không đáp ứng mục CDNT 5.3: GMP hết hạn, giấy phép lưu hành hết hạn, không có thẻ kho
48 CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM IVY													
Nhóm 2													
1	630	Piracetam	Lilonton Injection		VN-21961-19	1g/5ml	thuốc tiêm/thuốc truyền	Hộp 10 ống x 5ml dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	chai/lọ/túi/ống	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd	Đài Loan	GMP hết hạn (17/11/2022), nhà thầu không có báo cáo số lượng tồn kho, thẻ kho chứng minh thuốc sản xuất trước thời điểm GMP hết hạn.
76 CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM NHẬT ANH													
Nhóm 1													
1	565	Nifedipine	Macorel		VN-15359-12	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Valpharma S.p.A	San Marino	thuốc không đáp ứng tiêu chí nhóm 1 theo thông tư 15 ; nước San Marino không thuộc SRA và nước tham chiếu)

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
79 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHA NAM													
Nhóm 4													
1	344	Fluticason propionat	MESECA		VD-23880-15	50mcg/0,05ml (0,1%)	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 60 liều	Xịt mũi	Lọ	Công ty CP Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Mặt hàng tham gia thầu có nồng độ/hàm lượng sai nồng độ/hàm lượng so với yêu cầu của bên mời thầu.
82 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO													
Nhóm 4													
1	332	Fexofenadin	Fexofenadine STADA 60 mg	Fexofenadine STADA 60mg	VD-24437-16	60mg	Viên nang	H/1 vi/10 viên nang	Uống	Viên	Pympharco	Việt Nam	1. GMP hết hạn ngày 07/11/2022 (Nhà máy Stada Việt Nam), không kèm thẻ kho. 2. Biểu mẫu 11 nhà thầu ghi mặt hàng tham dự thầu là sản xuất nhưng sản xuất bởi Stada
89 CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỰ PHÁT TRIỂN SEAPHACO													
Nhóm 5													
1	477	Losartan + hydrochlorothiazid	Sastan-H		VN-21987-19	25mg + 12,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Sai Mirra Imnopharm Pvt.Ltd	India	KHÔNG ĐẠT
90 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO													
Nhóm 4													
1	487	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + sinechicon	Grangel		VD-18846-13	600mg + 599,8mg	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch	Hộp 20 gói 10ml	Uống	Gói	Công ty TNHH DP Shampoong Daewoo	Việt Nam	Nồng độ hàm lượng của Thuốc dự thầu không đáp ứng với yêu cầu mời thầu
100 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI													
Nhóm 1													

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
1	404	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	NovoMix 30 FlexPen		QLSP-1034-17	100U/1 ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml (15 kim kèm theo)	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Đã có kết quả đàm phán giá theo quyết định số 3460/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 (được quy định tại điểm b khoản 1, điều 7 TT 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019)
101 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TH													
Nhóm 4													
	1	635	Piracetam	Orilope 800 mg		800mg/8 ml	Dung dịch uống	Hộp 12 ống, 24 ống, 36 ống, 48 ống x 8	uống	Ống	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Giấy phép LHSP hết hạn (22/06/2022).
113 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA													
Nhóm 4													
	1	360	Gentamicin	GENTAMICIN 0,3%		0,3%, 5ml	dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 5ml	Nhỏ mắt	chai	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	SDK hết hạn 22/04/2022 theo công văn 6665e/QLD-ĐK ngày 22/04/2021, nhà thầu không nộp báo cáo tồn kho, thẻ kho chứng minh thuốc sản xuất trước thời điểm SDK hết hạn
	2	525	Naphazolin	RHYNIXSOL		0,05% 5ml	Dung dịch nhỏ mũi	Hộp 1 chai 10ml	Nhỏ mũi	Chai	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	Sai quy cách so với HSMT (HSMT yêu cầu chai 5ml; Nhà thầu tham dự chai 10ml)
	3	807	Clopidogrel	CLOPIDOGREL 75mg		75mg	viên bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Cty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	1. SDK hết hạn 05/05/2022 theo CV 7378e/QLD-ĐK 05/05/2021, nhà thầu không nộp báo cáo tồn kho, thẻ kho chứng minh thuốc sản xuất trước thời điểm SDK hết hạn
118 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT													

STT	STT trong HSMT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(15)
Nhóm 1													
1	727	Tenoxicam	Bart		VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Special Products line S.P.A	Y	WHO-GMP HẾT HẠN NGÀY 31/10/2022 KHÔNG KÈM THE KHO, CỎ KÈM THEO SỔ CHỈ TIẾT VẬT TƯ THEO LÔ DATE NGÀY 18/11/2022 SỐ LƯỢNG TỒN 9989 THẤP HƠN SỐ LƯỢNG MỜI THẦU 50.000
Cộng 32 mặt hàng													

Tây Ninh, ngày 08 tháng 03 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Trưởng Văn Phòng